

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ VĂN HÒA

**XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ MÀ BỊ CÁO  
LÀ NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN TỪ THỰC TIỄN  
TỈNH THANH HÓA**

*Chuyên ngành : Luật Hình sự và tố tụng hình sự*  
*Mã số : 60.38.01.04*

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS. TS. Trần Văn Độ**

**HÀ NỘI, 2016**

## LỜI CAM ĐOAN

*Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, trích dẫn trong luận văn đảm bảo độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.*

**TÁC GIẢ**

**Lê Văn Hòa**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ MÀ BỊ CÁO LÀ NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN</b>	<b>7</b>
1.1. Khái niệm xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người chưa thành niên .....	7
1.2. Quy định về xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người chưa thành niên .....	14
<b>Chương 2: THỰC TIỄN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ MÀ BỊ CÁO LÀ NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN TẠI TỈNH THANH HÓA .....</b>	<b>36</b>
2.1. Khái quát tình hình tội phạm người chưa thành niên trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá .....	36
2.2. Thực tiễn thực hiện thủ tục tố tụng hình sự trong xét xử các vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên.....	41
2.3. Thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội .....	45
2.4. Những hạn chế trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người chưa thành niên và nguyên nhân .....	47
<b>Chương 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ MÀ BỊ CÁO LÀ NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN.....</b>	<b>58</b>
3.1. Nhu cầu nâng cao chất lượng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người chưa thành niên .....	58
3.2. Một số giải pháp nâng cao chất lượng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người chưa thành niên.....	61
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>78</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>80</b>
<b>PHỤ LỤC .....</b>	<b>86</b>

## **DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT**

ADPL	:	Áp dụng pháp luật
BLHS	:	Bộ luật hình sự
BLTTHS	:	Bộ luật tố tụng hình sự
HĐXX	:	Hội đồng xét xử
HTND	:	Hội thẩm nhân dân
KSV	:	Kiểm sát viên
NCTN	:	Người chưa thành niên
QĐHP	:	Quyết định hình phạt
QPPL	:	Quy phạm phạm luật
TAND	:	Tòa án nhân dân
TANDTC	:	Tòa án nhân dân tối cao
TNHS	:	Trách nhiệm hình sự
TTHS	:	Tố tụng hình sự
VAHS	:	Vụ án hình sự
XHCN	:	Xã hội chủ nghĩa

## DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

<b>Biểu đồ 2.1:</b> Các vụ án hình sự mà bị cáo là NCTN đã được Tòa án cấp sơ thẩm ở tỉnh Thanh Hóa xét xử từ năm 2011 – 2015.....	38
<b>Biểu đồ 2.2:</b> Cơ cấu tội phạm là NCTN theo nhóm tội.....	40
<b>Biểu đồ 2.3:</b> Cơ cấu tội phạm là NCTN theo độ tuổi .....	41

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Tội phạm do người chưa thành niên thực hiện là một hiện tượng khách quan, tồn tại và phát triển cùng với lịch sử tồn tại và phát triển của xã hội loài người. Trong những năm qua và nhất là thời điểm hiện nay, tình trạng người chưa thành niên phạm tội ở Việt Nam diễn ra khá phổ biến và phức tạp... Trước hết, do xuất phát từ đặc điểm tâm, sinh lý đang phát triển, nhân cách chưa được định hình, nhận thức chưa được đầy đủ, toàn diện nên một số em đã có hành vi phạm tội một cách tự phát, thêm vào đó là sự ảnh hưởng bởi những mặt tiêu cực của kinh tế thị trường, văn hóa phẩm đồi trụy, game bạo lực... Nhiều trường hợp, người chưa thành niên không ý thức được hành vi của mình là hành vi phạm tội. Đồng thời, đây cũng là lứa tuổi dễ bị tổn thương và thường có những phản ứng tiêu cực trước tác động chủ quan và khách quan bằng những hành vi nhất thời, thiếu suy nghĩ. Khi phạm tội các em là những người phạm tội, nhưng đồng thời cũng là những nạn nhân của sự thiếu giáo dục, chăm sóc của gia đình, nhà trường và xã hội; hành động của các em ít nhiều bị chi phối bởi hoàn cảnh khách quan hoặc bị xúi giục, lừa dối... Việc giải quyết vấn đề người chưa thành niên phạm tội là việc làm cần thiết để giữ nghiêm ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, nhưng cũng là một vấn đề phức tạp và tế nhị. Chính vì thế, Đảng và Nhà nước ta phải có trách nhiệm hơn nữa trong việc bảo vệ bị cáo là người chưa thành niên khi họ tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Chính sách hình sự nhất quán của Nhà nước ta đối với người chưa thành niên chủ yếu là giáo dục và giúp đỡ họ sửa chữa những sai lầm, phát triển lành mạnh để họ trở thành công dân có ích cho xã hội. Vì vậy, thủ tục tố tụng cũng phải được quy định phù hợp với lứa tuổi người chưa thành niên.

Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người chưa thành niên, các cơ quan tiến hành tố tụng mà đặc biệt là Tòa án phải có trách nhiệm bảo vệ người chưa thành niên theo đúng quy định của pháp luật. Thực

tiền xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại Thanh Hóa trong thời gian qua cho thấy Toà án đã thực hiện tương đối tốt các quy định pháp luật tố tụng hình sự trong xét xử và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên khi họ tham gia tố tụng với tư cách là bị cáo. Tuy nhiên, hiệu quả công tác xét xử vẫn chưa thật sự được nâng cao, chưa đáp ứng được yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp. Vẫn xảy ra tình trạng án đê quá hạn, và vẫn còn không ít trường hợp Tòa án đê xảy ra sai sót dẫn đến việc xâm phạm quyền và lợi ích của bị cáo là người chưa thành niên trong quá trình tố tụng, gây bất bình trong nhân dân, bức xúc trong dư luận, làm giảm uy tín của các cơ quan tư pháp, ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả giáo dục ý thức pháp luật và đấu tranh phòng chống tội phạm.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những tồn tại nói trên, trong đó có những bất cập, hạn chế của các văn bản quy phạm pháp luật, do việc hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật chưa kịp thời, do cơ chế, nhận thức, thái độ của người tiến hành tố tụng; các quy định về chế độ, trách nhiệm của Nhà nước, cơ quan, người tiến hành tố tụng với công dân... Do đó, việc nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống những vấn đề lý luận cũng như thực tiễn pháp luật trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người chưa thành niên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, đê từ đó đưa ra các yêu cầu và giải pháp góp phần nâng cao chất lượng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người chưa thành niên là hết sức cần thiết. Chính vì vậy, tôi chọn đề tài luận văn Thạc sĩ của mình là: ***“Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người chưa thành niên từ thực tiễn tỉnh Thanh Hóa”***.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Đến nay, vấn đề xét xử sơ thẩm đã có nhiều đề tài của tập thể và cá nhân, cán bộ khoa học nghiên cứu ở các góc độ và khía cạnh khác nhau như:

- ThS. Đinh Văn Quế: *Quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội* – Tạp chí Kiểm sát, Số 6/2007.

- TS. Hoàng Minh Sơn: *Hoàn thiện một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thủ tục phiên tòa sơ thẩm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp* – Tạp chí Luật học, Số 10/2009.

- TS. Trịnh Tiến Việt: *Những khía cạnh pháp lý hình sự về các hình phạt và biện pháp tư pháp áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội* – Tạp chí Tòa án nhân dân, Số 13, 14/2010

- ThS. Nguyễn Khắc Quang: *Quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội* – Tạp chí Tòa án nhân dân, Số 24/2011.

- ThS. Nguyễn Thanh Tùng: *Thực tiễn xét xử người chưa thành niên phạm tội, đề xuất và kiến nghị*, Tạp chí Tòa án nhân dân, Số 3/2012.

Ngoài ra, có một số tác giả đã chọn đề làm đề tài luận văn, luận án của mình như:

- Nguyễn Trần Bích Phượng: *Thủ tục tố tụng về những vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên và thực tiễn áp dụng tại thành phố Hà Nội*, Khóa luận cử nhân Luật, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2001.

- Đỗ Thị Phượng: *Thủ tục tố tụng đối với bị can, bị cáo là người chưa thành niên trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2003.

-ThS. Đỗ Thị Phượng: *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008.

- Võ Thị Kim Oanh: *Xét xử hình sự sơ thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam* – Luận án tiến sĩ Luật học – Viện Nhà nước và Pháp luật, 2007.

- Nguyễn Thị Thủy: *Thủ tục xét xử sơ thẩm theo Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam và hoàn thiện theo tinh thần cải cách tư pháp của nước ta* – Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội, 2009.

- Nguyễn Thị Hương: *Quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội* – Luận văn thạc sĩ Luật học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, 2011.

Những đề tài trên, hoặc là chỉ nghiên cứu trên phương diện pháp luật hình sự về những quy định đối với NCTN phạm tội hoặc là chỉ nghiên cứu trên phương diện pháp luật tố tụng hình sự về thủ tục tố tụng đối với NCTN. Đó là những tài liệu có giá trị để tác giả nghiên cứu, kế thừa trong giải quyết các vấn đề nghiên cứu của đề tài. Trong phạm vi đề tài của mình, tôi đi sâu nghiên cứu



cả về pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự được áp dụng đối với bị cáo là NCTN trong quá trình xét xử sơ thẩm VAHS từ thực tiễn tỉnh Thanh Hóa. Đây là vấn đề hoàn toàn mới, không trùng lặp với các đề tài, công trình đã được nghiệm thu, công bố trong nước những năm gần đây.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

- Mục đích của việc nghiên cứu đề tài này: Trên cơ sở nghiên cứu những quy định của pháp luật có liên quan đến việc xét xử sơ thẩm VAHS mà bị cáo là NCTN và thực tiễn áp dụng pháp luật, để từ đó đưa ra các giải pháp cơ bản hoàn thiện quy định của pháp luật, nhằm bảo vệ tốt hơn nữa các quyền và lợi ích của NCTN khi họ tham gia tố tụng hình sự. Đồng thời góp phần vào việc đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm do NCTN thực hiện nói riêng.

- Để thực hiện mục đích trên, đề tài có nhiệm vụ sau:

+ Luận giải làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về xét xử sơ thẩm VAHS mà bị cáo là NCTN.

+ Phân tích những quy định của pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật trong quá trình xét xử sơ thẩm VAHS mà bị cáo là NCTN tại các Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hóa để tìm ra những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế cần khắc phục.

+ Đưa ra các yêu cầu và một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng xét xử sơ thẩm VAHS mà bị cáo là NCTN đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong tình hình mới.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

- Đối tượng nghiên cứu: Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người chưa thành niên.

- Phạm vi nghiên cứu: Đề tài tập trung nghiên cứu các quy định của Bộ luật Hình sự đối với NCTN phạm tội và thủ tục xét xử VAHS đối với NCTN theo quy định của BLTTHS và thực tiễn thực hiện các quy định này trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Các số liệu phục vụ cho đề tài được giới hạn từ năm 2011 đến năm 2015.

### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

Luận văn sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, chính sách của Đảng về chính sách hình sự đối với NCTN phạm tội; quan điểm, đường lối xử lý NCTN phạm tội theo pháp luật hình sự Việt Nam; vấn đề bảo vệ quyền con người nói chung, quyền trẻ em trong TTHS nói riêng. Ngoài ra, luận văn còn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu như: phương pháp lịch sử; phương pháp so sánh, phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp thống kê...các phương pháp nghiên cứu này được vận dụng một cách đan xen, linh hoạt.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

- Kết quả nghiên cứu và những đề xuất của luận văn có ý nghĩa quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng xét xử sơ thẩm VAHS mà bị cáo là NCTN theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thông qua kết quả nghiên cứu và các đề xuất, tác giả mong muốn góp phần hoàn thiện về chế định xét xử đối với NCTN phạm tội nói riêng, hoàn thiện quy định của pháp luật TTHS nói chung.

- Luận văn có thể được sử dụng làm tư liệu tham khảo cho cán bộ làm công tác nghiên cứu, giảng dạy cũng như cán bộ thực tiễn đang công tác trong các cơ quan bảo vệ pháp luật như Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án và các học viên chuyên ngành luật hình sự và tổ tụng hình sự.

## **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, Luận văn gồm 3 chương:

Chương 1. Những vấn đề lý luận và pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người chưa thành niên

Chương 2. Thực tiễn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người chưa thành niên tại tỉnh Thanh Hóa

Chương 3. Giải pháp nâng cao chất lượng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người chưa thành niên

## Chương 1

# NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ MÀ BỊ CÁO LÀ NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN

### 1.1. Khái niệm xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người chưa thành niên

#### 1.1.1. Khái niệm, đặc điểm bị cáo là người chưa thành niên

##### 1.1.1.1. Khái niệm bị cáo là người chưa thành niên

Dưới góc độ khoa học, từ lý luận và thực tiễn của Việt Nam cũng như nhiều quốc gia khác trên thế giới đều có sự ghi nhận, đánh giá và đưa ra khái niệm riêng về NCTN, nhưng lại có một số quan điểm chung và thống nhất trong việc xem xét, đánh giá về con người nói chung và NCTN nói riêng theo quy luật phát triển từ thấp đến cao, nhìn nhận từ người ít tuổi đến người cao tuổi, từ NCTN đến người đã thành niên. Việc ghi nhận, đánh giá thông qua độ tuổi đã được luật hình sự của các quốc gia quy định về độ tuổi chịu TNHS có sự khác biệt như: Anh, Niu Di Lân, Bắc Ailen, Ôxtrâyliia là 10 tuổi; Ấn Độ, Thụy Sĩ, Thái Lan, Xingapo, Síp, Kenya, Trinidát, Côoét là 7 tuổi; Lybi là 8 tuổi; Philipin là 9 tuổi; Coxta Rica, Thổ Nhĩ Kỳ là 12 tuổi; Pháp, Hy Lạp, Ixraen là 13 tuổi; Trung Quốc, Hàn Quốc, Đức, Ý, Nhật Bản, Liên Bang Nga, Tây Ban Nha là 14 tuổi; Ai Cập, Đan Mạch, Cộng hòa Séc là 15 tuổi; Chi Lê, Bỉ, Bồ Đào Nha là 16 tuổi; Luychxămbua là 18 tuổi.... [59, tr.243-245].

Từ đó, nhận thấy NCTN là những người thuộc lớp tuổi trẻ như nhi đồng, thiếu niên hay còn gọi là trẻ em vị thành niên và đây cũng điểm khác biệt để làm cơ sở đánh giá NCTN với người đã thành niên. Mục đích của việc phân biệt giữa NCTN và đã thành niên là để quản lý xã hội, quản lý những hành vi lệch chuẩn của con người gây ra, để từ đó có phương pháp để giải quyết các vấn đề phát sinh, đảm bảo các quyền cơ bản của con người, các quyền và nghĩa vụ cơ bản

của công dân. Chính vì thế, việc đưa ra khái niệm bị cáo là NCTN một cách thống nhất có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử đối với các bị cáo là NCTN đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Theo từ điển tiếng Việt, thì NCTN được định nghĩa: “*Người chưa thành niên là người chưa phát triển đầy đủ, toàn diện về thể lực, trí tuệ, tinh thần cũng như chưa có đầy đủ quyền và nghĩa vụ công dân*”. [67]. Theo Công ước Quốc tế về quyền trẻ em: “*Trong phạm vi công ước này, trẻ em có nghĩa là người dưới 18 tuổi, trừ trường hợp luật pháp áp dụng đối với trẻ em quy định tuổi thành niên sớm hơn*”. Mặc dù khái niệm của Công ước về Quyền trẻ em vẫn có điều khoản đề ngỏ cho các quy định về độ tuổi cho NCTN, thậm chí trong nội tại một quốc gia các văn bản pháp luật cũng có một số quy định không thống nhất về vấn đề này.

Ở Việt Nam, độ tuổi NCTN được xác định thống nhất trong Hiến pháp năm 2013, BLHS năm 1999, BLTTHS năm 2003, BLLĐ, BLDS và một số văn bản quy phạm pháp luật khác. Tất cả các văn bản quy phạm pháp luật đó đều thống nhất quy định tuổi NCTN là người dưới 18 tuổi và quy định riêng những chế định pháp luật đối với NCTN trong từng lĩnh vực cụ thể. Quan niệm về độ tuổi này cũng phù hợp với các quy định của Công ước quốc tế về Quyền trẻ em ngày 20/02/1990 mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Theo quy định tại Điều 12 BLHS năm 1999 thì chỉ những người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi trở lên mới phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội, còn người chưa thành niên dưới 14 tuổi thì không phải chịu TNHS. Theo đó, người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS về mọi tội phạm, còn người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu TNHS về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Vậy tại sao pháp luật hình sự lại quy định người chưa đủ 14 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự và người từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi chỉ

phải chịu trách nhiệm hình sự về một số tội phạm nhất định? Quy định này của BLHS về mặt lý luận có thể hiểu người chưa đủ 14 tuổi trí tuệ chưa phát triển đầy đủ nên chưa nhận thức được tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi của mình gây ra, chưa đủ khả năng làm chủ được hành vi và một logic đương nhiên là họ không bị coi là có lỗi khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Một hành vi được coi là không có lỗi cũng có nghĩa là không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên họ không phải chịu TNHS. Người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi được coi là người có năng lực TNHS chưa đầy đủ vì họ chưa phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần, tâm sinh lý, kinh nghiệm sống, khả năng nhận thức và điều khiển hành vi còn bị hạn chế. Do đó, họ chỉ phải chịu TNHS về một số loại tội phạm nhất định, đó là tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng. Đây là nét khu biệt so với người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS về mọi tội phạm.

Trong BLHS năm 1999 tại Chương X phân chung "Những quy định đối với người chưa thành niên phạm tội" bao gồm từ Điều 68 đến Điều 77 đã khẳng định: *Người chưa thành niên phạm tội (người trong độ tuổi từ đủ 14 đến dưới 18 tuổi) là những người thuộc độ tuổi chưa thành niên, có hành vi vi phạm vào các quy định của Bộ luật Hình sự và họ phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình theo quy định của Luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*

Tại Điều 50 của BLTTHS năm 2003 đã quy định “bị cáo” chính là những người đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử. Như vậy, căn cứ vào quy định này và cùng với quy định tại Điều 12 của BLHS về tuổi chịu TNHS nêu trên thì có thể hiểu bị cáo là NCTN chính là những người có độ tuổi từ đủ 14 đến chưa đủ 18 tuổi ở thời điểm bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử. Như vậy, không phải mọi chủ thể thực hiện hành vi phạm tội đều có tư cách là bị cáo, mà tư cách bị cáo chỉ được xác định khi Tòa án quyết định đưa ra xét xử.

Qua sự phân tích trên, có thể đưa ra định nghĩa về bị cáo là người chưa thành niên như sau: *Bị cáo là NCTN là những người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18*

*tuổi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà BLHS quy định là tội phạm, bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử theo trình tự, thủ tục luật định.*

#### *1.1.1.2. Đặc điểm bị cáo là người chưa thành niên*

*Thứ nhất, về mặt tâm, sinh lý. Bị cáo chưa thành niên là người chưa phát triển đầy đủ, toàn diện về thể chất và tinh thần. Họ là người đang trong giai đoạn phát triển mạnh mẽ về thể chất và tâm sinh lý, đang ở giai đoạn hình thành cũng như phát triển về nhân cách và chưa thể có suy nghĩ chín chắn khi quyết định hành vi của mình như người đã thành niên. Đây là lứa tuổi chưa có đủ những kinh nghiệm, kỹ năng trong cuộc sống, quá trình nhận thức còn bị hạn chế; còn chủ quan, nông cạn khi phân tích, đánh giá hay nhìn nhận các sự vật, hiện tượng và dễ bị tác động bởi các yếu tố của môi trường sống. Do tư duy chưa hoàn thiện nên họ nhận thức chưa đầy đủ, toàn diện về hệ quả và những tác động do hành vi của mình gây ra. Nhiều trường hợp bị cáo là NCTN không ý thức được hành vi của mình là hành vi phạm tội. Mặt khác, bị cáo là NCTN, nhất là lứa tuổi mới lớn thường có những chuyển biến nhanh và mạnh mẽ về tâm sinh lý, có xu hướng muốn tự khẳng định mình, bông bột, hiếu thắng, thiếu tính thực tế, dễ bị dụ dỗ, kích động, lôi kéo tham gia vào những hoạt động phạm pháp. Nhưng đồng thời, đây cũng là lứa tuổi dễ bị tổn thương và thường có những phản ứng tiêu cực trước sự tác động chủ quan và khách quan bằng những hành vi nhất thời, thiếu suy nghĩ. Chính những đặc điểm tâm, sinh lý này là căn cứ quan trọng để tòa án xem xét đánh giá khả năng nhận thức, mức độ lỗi của bị cáo là NCTN khi thực hiện hành vi phạm tội, để từ đó xác định chính xác TNHS của bị cáo trong quá trình xét xử.*

*Thứ hai, về xã hội. Do tâm sinh lý lứa tuổi nên bị cáo là NCTN rất dễ bị môi trường xã hội xung quanh cũng như điều kiện sinh sống và giáo dục làm ảnh hưởng đến suy nghĩ và hành vi của bị cáo. Những ảnh hưởng của môi trường xã hội xung quanh tác động lớn đến NCTN, bởi họ đang ở lứa tuổi hiếu động, hăng hái, nhiều khi bông bột, khả năng tự kiểm chế bản thân hạn chế và thích thú với các hoạt động giao tiếp nên dễ bị kích động lôi kéo. Bị cáo là*

NCTN chưa hội đủ sự trưởng thành về tâm lý, sự ổn định về cảm xúc để tạo nên trạng thái cân bằng cho bản thân nên khi áp dụng các biện pháp cưỡng chế tố tụng thì tổn hại về thể chất đặc biệt là tổn hại về tinh thần của lứa tuổi này thường dẫn đến những biến động tâm lý nặng nề và để lại những di chấn tiêu cực trong thời gian dài. Nhiều trường hợp tỏ ra manh động, liều lĩnh khi bị bắt giam và tuyên án vì tưởng rằng không còn gì để mất. Thậm chí, có bị cáo là NCTN do quá lo sợ, trầm cảm, nảy sinh ý định tự sát; có trường hợp lại cố gắng tỏ ra bất cần, ngang ngược thách thức người tiến hành tố tụng để che dấu cảm giác lo lắng, sợ hãi, hối hận.

*Thứ ba*, về pháp lý. NCTN là người chưa có đầy đủ quyền và nghĩa vụ của chủ thể quan hệ pháp luật. Trong pháp luật TTHS, đặc điểm pháp lý của bị cáo là NCTN được thể hiện thông qua địa vị pháp lý của họ khi tham gia tố tụng, tức là những quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của bị cáo là NCTN. Trong đó, đặc điểm nổi bật nhất của bị cáo là NCTN là ở chỗ họ được pháp luật quy định nhiều quyền hơn so với bị cáo đã thành niên đồng thời lại thực hiện ít nghĩa vụ hơn so với bị cáo đã thành niên. Ngoài ra, thủ tục tố tụng đối với bị cáo là NCTN cũng được quy định chặt chẽ hơn so với bị cáo đã thành niên. Quy định này được xây dựng dựa trên cơ sở về đặc điểm tâm, sinh lý của bị cáo là NCTN và chính sách nhân đạo của Nhà nước ta trong việc xử lý TNHS đối với NCTN phạm tội và mục đích chủ yếu là nhằm giáo dục, giúp đỡ NCTN sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời hướng tới mục đích phòng ngừa tội phạm ở NCTN.

Những phân tích trên cho thấy cần phải đặt ra chính sách hình sự phù hợp với NCTN, cần có một thái độ rộng lượng và bao dung với họ, đặc biệt là quy trình TTHS phải được mở rộng theo hướng nhân văn hơn giúp cho họ hạn chế những tổn thương do việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế tố tụng gây nên và tạo cơ hội cho họ sửa chữa sai lầm và làm lại cuộc đời.

### **1.1.2. Khái niệm xét xử sơ thẩm vụ án hình sự**

*1.1.2.1. Khái niệm xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người chưa thành niên*

Khoản 1, Điều 102 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định: “*Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp*”. Như vậy, trong Hiến pháp năm 2013, Đảng và Nhà nước ta khẳng định chức năng xét xử được giao cho Tòa án, và chỉ Tòa án là cơ quan duy nhất thực hiện quyền tư pháp, xét xử là hoạt động trọng tâm của Tòa án.

Vậy xét xử là gì? Theo từ điển tiếng Việt thì “*xét xử là xem xét và xử các vụ án. Xét xử các tội phạm. Việc xét xử của Tòa án*” [63, tr.1148].

Theo từ điển Luật học thì “*Xét xử sơ thẩm là lần đầu tiên đưa vụ án ra xét xử tại một Tòa án có thẩm quyền*” [60, tr. 870].

Có quan điểm cho rằng: “*Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là một giai đoạn của tố tụng hình sự trong đó Tòa án có thẩm quyền tiến hành xem xét, giải quyết vụ án, ra bản án, quyết định tố tụng theo quy định của pháp luật*”. [55, tr. 343].

Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là xét xử lần đầu VAHS. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo, những người tham gia tố tụng và các cơ quan, tổ chức có liên quan đều được triệu tập hoặc báo đến phiên tòa; mọi chứng cứ, tài liệu của vụ án đã được thu thập trong quá trình điều tra, truy tố đều được công khai xem xét. Kết quả xét xử sơ thẩm được thể hiện bằng một bản án do Tòa án nhân dân Nhà nước quyết định bị cáo có tội hoặc không có tội gì, hình phạt như thế nào. Các biện pháp tư pháp cần áp dụng. Xét xử sơ thẩm là giai đoạn quan trọng nhất trong các giai đoạn TTTHS. Xét xử sơ thẩm đánh dấu sự kết thúc quá trình giải quyết VAHS ở cấp sơ thẩm, thể hiện đỉnh cao của quyền tư pháp.

Với quan điểm nêu trên và qua quá trình nghiên cứu, tác giả luận văn cho rằng, *xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là việc Tòa án thông qua phiên tòa xem xét và phán quyết lần đầu, toàn diện về tội phạm và người phạm tội mà Viện kiểm*



*sát đã truy tố và Toà án đã quyết định đưa ra xét xử theo trình tự, thủ tục mà pháp luật tố tụng hình sự quy định.*

*Từ đó, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người chưa thành niên là việc Tòa án thông qua phiên toà xem xét và phán quyết lần đầu, toàn diện về tội phạm và người phạm tội là người chưa thành niên mà Viện kiểm sát đã truy tố và Toà án đã quyết định đưa ra xét xử theo trình tự, thủ tục mà pháp luật tố tụng hình sự quy định.*

*1.1.2.2. Đặc điểm xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người chưa thành niên*

Khi nghiên cứu về đặc điểm xét xử sơ thẩm VAHS mà bị cáo là NCTN chúng tôi nhận thấy ngoài các đặc điểm chung của xét xử sơ thẩm VAHS nói chung, thì việc xét xử sơ thẩm VAHS mà bị cáo là NCTN cũng có đặc điểm riêng mang tính đặc thù: Cụ thể là:

*Một là, xét xử sơ thẩm VAHS mà bị cáo là NCTN là hoạt động nhân danh quyền lực Nhà nước của Tòa án có thẩm quyền lần đầu tiên đưa vụ án ra xét xử với HĐXX phải là những người có hiểu biết về tâm lý trẻ em, về khoa học giáo dục cũng như về hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm của bị cáo là NCTN. Thông qua hoạt động xét xử thì Thẩm phán và HTND thực hiện quyền lực Nhà nước giao cho, nhân danh Nhà nước để ra bản án, quyết định đối với bị cáo là NCTN, do đó các thành viên HĐXX đồng thời phải đảm bảo những hiểu biết về tâm lý học, khoa học giáo dục cũng như về hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm ở NCTN trong hoạt động xét xử đối với bị cáo là NCTN; thành phần HĐXX bắt buộc phải có một Hội thẩm là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Có như vậy mới đảm bảo việc xét xử của Tòa án đối với bị cáo là NCTN có hiệu quả vì “*chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội*”. [37].*

*Hai là*, thông qua phiên tòa sơ thẩm VAHS mà bị cáo là NCTN, những người tiến hành tố tụng sẽ đánh giá toàn diện về tội phạm và người phạm tội. Làm rõ có hay không có hành vi phạm tội, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của người thực hiện hành vi phạm tội, có lỗi hay không có lỗi, vô ý hay cố ý, mục đích động cơ phạm tội, có năng lực TNHS hay không; tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các đặc điểm về nhân thân người thực hiện hành vi phạm tội, tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Đặc biệt, tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng phải nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội, bảo đảm tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp.

*Ba là*, trong xét xử sơ thẩm VAHS mà bị cáo là NCTN của Tòa án ngoài việc đảm bảo quy định chung còn phải tuân theo những quy định riêng chặt chẽ về trình tự, thủ tục tố tụng đối với họ mà BLTTHS đã quy định. Pháp luật TTHS coi đây là một thủ tục tố tụng đặc biệt do đó đã quy định thành một chương riêng trong BLTTHS năm 2003 và đòi hỏi mọi hoạt động điều tra, truy tố, xét xử phải tuân theo. Do đó, hoạt động xét xử sơ thẩm VAHS mà bị cáo là NCTN về trình tự, thủ tục phải đảm bảo sự tuân thủ đầy đủ các quy định của chương này đồng thời phải đảm bảo sự tuân thủ các quy định khác của Bộ luật này không trái với chương này. Có thể coi việc tuân thủ các quy định chung của BLTTHS là điều kiện cần, thì việc tuân thủ quy định về thủ tục tố tụng trong hoạt động xét xử sơ thẩm VAHS mà bị cáo là NCTN là điều kiện đủ để Tòa án ADPL đối với họ. Việc Tòa án phải tuân thủ những quy định riêng về thủ tục tố tụng đối với bị cáo là NCTN trong BLTTHS cũng là việc Tòa án đã đảm bảo các quyền của NCTN trong quá trình ADPL đối với họ. Chẳng hạn trong quá trình chuẩn bị xét xử, nếu Tòa án phát hiện trong quá trình điều tra, truy tố có sai sót trong việc thu thập chứng cứ hoặc ADPL không chính xác, thì tùy từng trường hợp mà Tòa án ra quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát hoặc vẫn quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Việc tuân thủ chặt chẽ những quy định này giúp cho Tòa án khi ADPL đảm bảo đúng đắn, chính xác, khách quan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

*Bốn là*, trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là NCTN là quá trình áp dụng những quy định pháp luật hình sự đối với một hay nhiều bị cáo trong một vụ án cụ thể để xác định bị cáo có hay không có tội, để quyết định TNHS (trong trường hợp họ có tội), quyết định TNHS giảm nhẹ và trách nhiệm dân sự (trong trường hợp pháp luật quy định). Trong hoạt động xét xử sơ thẩm VAHS mà bị cáo là NCTN, đây là một đối tượng đặc biệt, do đó, khi Tòa án áp dụng các QPPL các quy định của BLHS về đường lối xử lý chủ yếu giáo dục, phòng ngừa đối với NCTN phạm tội. Đặc biệt, cần chú ý rằng ngoài hình phạt, đối với NCTN phạm tội Tòa án có thể áp dụng biện pháp tư pháp (đưa vào trường giáo dưỡng) hoặc biện pháp giám sát, giáo dục (khiển trách, hoà giải tại cộng đồng, giáo dục tại xã, phường, thị trấn).

*Năm là*, để bảo đảm bí mật đời tư cho NCTN, BLTTHS quy định trong trường hợp cần thiết thì Tòa án có thể xét xử kín vụ án NCTN phạm tội...

## **1.2. Quy định về xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người chưa thành niên**

### ***1.2.1. Quy định của Bộ luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội***

Bộ luật Hình sự năm 1999 đã dành riêng một Chương X để quy định về NCTN phạm tội. Đây là Chương có nội dung thể hiện trực tiếp chính sách hình sự của Nhà nước đối với NCTN phạm tội cũng như để thực hiện cam kết trong các văn bản quốc tế liên quan đến NCTN phạm tội. Theo đó, tại Chương X: “*Những quy định đối với người chưa thành niên phạm tội*”, được quy định từ Điều 68 đến Điều 77 như việc áp dụng BLHS đối với NCTN phạm tội; Nguyên tắc xử lý đối với NCTN phạm tội; Các biện pháp tư pháp áp dụng đối với NCTN phạm tội; Các hình phạt được áp dụng đối với NCTN phạm tội...

#### ***1.2.1.1. Nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội***

Nguyên tắc xử lý chung đối với NCTN phạm tội được quy định tại khoản 1 Điều 69 BLHS như sau: “*Việc xử lý người chưa thành niên phạm tội chủ yếu*

*nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội”*. Đây là nguyên tắc thể hiện rõ mục tiêu của việc xử lý với NCTN phạm tội là nhằm giáo dục và giúp họ sửa chữa sai lầm, đồng thời hướng tới mục đích phòng ngừa tội phạm ở NCTN. Thông qua việc xử lý NCTN tội để giáo dục, giúp họ sửa chữa sai lầm và phát triển lành mạnh, qua đó đạt được mục đích phòng ngừa việc phạm tội lại ở NCTN. Việc xác định nguyên tắc xử lý này hoàn toàn phù hợp với nhận thức chung của thế giới về đặc điểm phát triển của NCTN là thuộc đối tượng *“còn non nớt về thể chất và trí tuệ...cần được bảo vệ và chăm sóc đặc biệt, kể cả sự bảo vệ thích hợp về mặt pháp lý”* [24], cũng như phù hợp với khẳng định trong văn kiện, các hướng dẫn của Liên Hợp quốc về phòng ngừa phạm pháp ở NCTN: *“Cần nhận thức rằng, những hành vi hay xử sự của tuổi trẻ không phù hợp với các chuẩn mực và giá trị xã hội chung thường là một phần của quá trình trưởng thành và phát triển, chúng có xu hướng mất đi ở hầu hết mọi cá nhân cùng với quá trình chuyển sang giai đoạn trưởng thành”* [25]. Do vậy, trong những trường hợp cần thiết phải áp dụng hình phạt đối với NCTN phạm tội. Tòa án phải xác định rõ mục đích của việc áp dụng hình phạt và quyết định lựa chọn loại hình phạt, mức hình phạt sao cho bảo đảm việc giáo dục, giúp đỡ họ nhận thấy, sửa chữa những sai lầm để trở thành người tốt, chứ không nhằm mục đích trừng trị như trường hợp người đã thành niên phạm tội. Để đạt được mục đích nêu trên, đòi hỏi khi xét xử, Tòa án phải làm rõ khả năng nhận thức của NCTN phạm tội về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện phạm tội. Chính từ việc xác định rõ khả năng nhận thức của họ về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện phạm tội giúp cho Tòa án lựa chọn đường lối giải quyết sao cho phù hợp để đạt được mục đích xử lý đối với NCTN.

Nguyên tắc xử lý NCTN phạm tội khi truy cứu TNHS được quy định tại các khoản 2, 3 Điều 69 của BLHS. Theo đó, việc cân nhắc miễn TNHS đối với NCTN phạm tội và áp dụng biện pháp giáo dục phi hình sự phải được ưu tiên

thực hiện. Việc lựa chọn biện pháp xử lý truy cứu TNHS NCTN phạm tội chỉ được thực hiện khi không thỏa mãn các điều kiện miễn TNHS. Vì vậy, chỉ trong trường hợp cần thiết mới truy cứu TNHS đối với NCTN phạm tội và áp dụng hình phạt đối với họ.

Nguyên tắc xử lý NCTN phạm tội khi xét xử được quy định tại khoản 4 Điều 69 BLLHS. Theo nguyên tắc này, Tòa án phải ưu tiên áp dụng các biện pháp tư pháp là các biện pháp chủ yếu mang tính chất giáo dục, phòng ngừa được quy định tại Điều 70 BLLHS. Việc quy định các biện pháp này xuất phát từ nguyên tắc nhân đạo trong Luật Hình sự Việt Nam nói riêng, từ quan điểm phân hóa cho rằng việc truy cứu TNHS và áp dụng hình phạt về hình sự mặc dù là rất quan trọng trong việc bảo vệ pháp chế, củng cố trật tự pháp luật song không phải là biện pháp duy nhất và đòi hỏi *“ngày càng mở rộng các biện pháp tác động xã hội khác để đấu tranh, phòng ngừa và chống tội phạm”* [48, tr.19 - 20]. Mặc khác nó còn thể hiện phương châm trong đường lối xử lý tội phạm và người phạm tội của Nước ta là *“ng nghiêm trị kết hợp với khoan hồng, trừng trị kết hợp với giáo dục, thuyết phục”*[59, tr. 21]. Vì vậy, nếu họ phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng, gây hại không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS và được gia đình hoặc cơ quan, tổ chức nhận giám sát, giáo dục thì có thể miễn TNHS cho họ. Để truy cứu TNHS và áp dụng hình phạt đối với bị cáo là NCTN, Tòa án phải căn cứ vào tính chất của hành vi phạm tội, đặc điểm về nhân thân và yêu cầu của việc đấu tranh, phòng ngừa tội phạm. Sau khi cân nhắc kỹ các yếu tố trên, nếu thấy cần thiết thì Tòa án mới áp dụng hình phạt đối NCTN phạm tội. Việc áp dụng hình phạt đối với NCTN phạm tội phải được coi là biện pháp sau cùng trong trường hợp cần thiết đối với NCTN phạm tội.

Nguyên tắc hạn chế phạm vi hình phạt được quy định tại khoản 5 Điều 69 của BLLHS. Theo đó, không được áp dụng hình phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với bị cáo là NCTN. Trong trường hợp cần thiết phải áp dụng hình phạt đối với họ thì phải cân nhắc hạn chế tối đa việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn

theo hướng “*đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội; tôn trọng và bảo đảm thực thi đầy đủ các quyền con người, quyền cơ bản của công dân được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013*” [3, tr.30]. Khi áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với họ thì Tòa án phải quyết định mức hình phạt nhẹ hơn so với người đã thành niên phạm tội tương ứng. Ví dụ: Nếu như đối với người đã thành niên phạm tội mà mức hình phạt tù cần phải áp dụng đối với họ là 3 năm thì mức hình phạt tù đối với NCTN phạm tội tương đương không được bằng hoặc lớn hơn 3 năm (mức hình phạt tù cao nhất được áp dụng đối với NCTN phạm tội được quy định cụ thể tại Điều 74 BLHS). Đây là nguyên tắc xử lý đồng thời cũng là căn cứ QĐHP đối với bị cáo là NCTN.

Trong mọi trường hợp, không được áp dụng hình phạt tiền đối với NCTN phạm tội đang ở độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi. Đồng thời không được áp dụng hình phạt bổ sung đối với NCTN phạm tội. Do đa số họ là những người đang phải sống phụ thuộc vào cha mẹ, gia đình chứ chưa có thu nhập hoặc tài sản riêng nên việc áp dụng hình phạt tiền đối với họ sẽ không có tính khả thi trong thực tiễn.

Nguyên tắc hạn chế hậu quả mang án tích đối với NCTN phạm tội bị kết án được quy định tại khoản 6 Điều 69 BLHS. Theo đó, đối với NCTN phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi thì án đã tuyên đối với họ không được xem là án tích để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm. Nguyên tắc này thể hiện tính nhân đạo của Nhà nước ta trong việc xử lý đối với NCTN phạm tội; không gây cho họ sự mặc cảm về tội lỗi của bản thân và tránh đi sự thành kiến, phân biệt đối xử đối với họ, tạo điều kiện cho họ phát triển một cách lành mạnh ở cộng đồng.

#### *1.2.1.2. Các hình phạt được áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội*

Về hệ thống hình phạt được quy định tại Điều 28 BLHS. Tuy nhiên, đối với NCTN phạm tội thì chỉ được áp dụng các hình phạt quy định tại Điều 71 BLHS và không được áp dụng hình phạt bổ sung đối với họ bao gồm: Cảnh cáo; Phạt tiền; Cải tạo không giam giữ; Tù có thời hạn.

- *Cảnh cáo*: Đây là hình phạt nhẹ nhất trong tất cả các hình phạt được áp dụng đối với NCTN phạm tội. Do Chương X của BLHS không có quy định riêng về việc áp dụng hình phạt này đối với NCTN phạm tội nên khi áp dụng hình phạt này, Tòa án phải căn cứ vào quy định tại Điều 29 BLHS. Chỉ được áp dụng hình phạt cảnh cáo đối với NCTN phạm tội ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng chưa đến mức được miễn hình phạt. Điều này đồng nghĩa với việc hình phạt cảnh cáo chỉ được áp dụng đối với NCTN phạm tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi. Bởi vì, Điều 12 BLHS quy định người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu TNHS về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Còn NCTN phạm tội từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS về mọi tội phạm. Tuy nhiên, theo Điều 12 BLHS 2015 thì có khác, người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi cũng phải chịu trách nhiệm hình sự về một số tội ít nghiêm trọng; nên hình phạt Cảnh cáo có thể áp dụng đối với họ.

- *Phạt tiền*: Theo quy định tại khoản 5 Điều 69 và Điều 72 BLHS thì chỉ được áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với NCTN phạm tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu người đó có thu nhập hoặc có tài sản riêng.

Khi áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với NCTN phạm tội, Tòa án cần phải lưu ý là mức phạt tiền đối với họ không được quá một phần hai mức phạt tiền mà điều luật quy định. Ví dụ: Phạm Văn Q (16 tuổi, 8 tháng) bị Tòa án kết án về tội đánh bạc theo khoản 1 Điều 248 BLHS có mức phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Nếu đủ điều kiện để áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với Q thì mức phạt tiền tối đa mà Tòa án áp dụng không được quá 25 triệu đồng.

- *Cải tạo không giam giữ*: Đây là hình phạt chính nặng hơn so với hình phạt cảnh cáo và hình phạt tiền, được áp dụng đối với NCTN phạm tội. Khi áp dụng hình phạt này đối với họ, trong mọi trường hợp Tòa án không được khấu trừ thu nhập như đối với người đã thành niên phạm tội. Cũng giống như mức hình phạt

tiền, thời hạn cải tạo không giam giữ được áp dụng đối với họ không được quá một phần hai thời hạn mà điều luật quy định. Ví dụ: Trương Gia M (17 tuổi 5 tháng) bị kết án về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 1 Điều 104 BLHS, nếu Tòa án áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với M thì thời hạn cải tạo không giam giữ được áp dụng đối với M tối đa không được quá 01 năm 6 tháng (thời hạn cải tạo không giam giữ tối đa mà điều luật quy định là 3 năm).

- *Tù có thời hạn*: Đây là hình phạt nghiêm khắc nhất mà Tòa án được áp dụng đối với NCTN phạm tội.

Căn cứ vào Điều 74 BLHS, khi áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với NCTN phạm tội, bắt buộc Tòa án phải tuân thủ các quy định mang tính nguyên tắc sau đây:

+ *Thứ nhất*, đối với NCTN khi phạm tội từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu điều luật được áp dụng đối với họ có quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình thì mức phạt cao nhất áp dụng với họ không được quá 12 năm tù còn nếu là tù có thời hạn thì mức phạt cao nhất áp dụng đối với họ không được quá 1/2 mức phạt tù mà điều luật có quy định. Ví dụ. Đinh Mạnh H khi phạm tội đủ 14 tuổi 8 tháng, bị kết án về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm b khoản 4 Điều 136 BLHS, có quy định mức hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Trong trường hợp này Tòa án chỉ được áp dụng mức hình phạt đối với H là 12 năm tù. Còn nếu Đinh Mạnh H bị kết án về cùng tội danh trên theo điểm g khoản 2 Điều 136 BLHS có quy định mức hình phạt từ 3 năm đến 10 năm. Trong trường hợp này Tòa án chỉ được áp dụng mức hình phạt đối với H tối đa là 5 năm tù (1/2 x 10 năm).

+ *Thứ hai*, đối với NCTN khi phạm tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, nếu điều luật được áp dụng với họ có quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất áp dụng với họ không được quá 18 năm tù, nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt tù cao nhất áp dụng đối với họ không được quá 3/4 mức phạt tù mà điều luật đã quy định. Ví dụ. Lê Văn L (khi phạm tội 17 tuổi, 10



tháng 6 ngày) bị kết án về tội “*Hiếp dâm trẻ em*” theo khoản 4 Điều 112 BLHS, có quy định mức hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Trong trường hợp này, Tòa án chỉ được áp dụng mức hình phạt tối đa đối với L không quá 18 năm tù. Nhưng nếu Lê Văn L bị kết án về tội “*Hiếp dâm trẻ em*” theo khoản 1 Điều 112 BLHS, có quy định mức hình phạt từ 7 đến 15 năm tù. Trong trường hợp này, Tòa án chỉ được áp dụng mức hình phạt đối với L tối đa là 11 năm 3 tháng tù ( $3/4 \times 15$  năm).

Theo hướng dẫn tại mục 11 Nghị quyết số: 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS thì khi quyết định hình phạt tù đối với NCTN phạm tội, Tòa án phải thực hiện theo các bước sau:

Trước hết cần xác định mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội như đối với trường hợp người phạm tội là người đã thành niên.

Nếu NCTN phạm tội là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thì mức hình phạt áp dụng với họ bằng  $1/2$  mức hình phạt áp dụng đối với người thành niên phạm tội được xác định như đã trình bày ở trên.

Nếu NCTN phạm tội là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi thì mức hình phạt áp dụng đối với họ bằng  $3/4$  mức hình phạt áp dụng đối với người thành niên phạm tội được xác định như đã trình bày ở trên.

Khi QĐHP tù đối với NCTN phạm tội, Tòa án cần lưu ý trường hợp theo cách tính như đã nêu trên, mà mức hình phạt tù được xác định đối với NCTN phạm tội thấp hơn mức tối thiểu của hình phạt tù có thời hạn (thấp hơn 3 tháng) thì Tòa án cần áp dụng một loại hình phạt khác nhẹ hơn đối với họ chứ tuyệt đối không được quyết định hình phạt tù dưới 3 tháng. Trong trường hợp mức hình phạt tù được xác định đối với NCTN phạm tội có số dư ngày không tròn tháng thì chỉ nên xử phạt mức hình phạt tù bằng số tròn tháng chứ không nên lấy số dư ngày.

### *1.2.1.3. Các biện pháp tư pháp được áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội*

Trong quá trình xét xử sơ thẩm VAHS mà bị cáo là NCTN, nếu thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt đối với họ thì Tòa án có thể áp dụng một trong các biện pháp tư pháp mang tính giáo dục, phòng ngừa được quy định tại Điều 70 BLHS. Cụ thể là hai biện pháp: “Giáo dục tại xã, phường, thị trấn” và “Đưa vào trường giáo dưỡng”. Có thể nói rằng, các biện pháp tư pháp được áp dụng trong xét xử sơ thẩm vụ án mà bị cáo là NCTN là biện pháp mang tính cưỡng chế của Nhà nước về mặt hình sự nhưng ít nghiêm khắc hơn so với hình phạt. Khác với một số biện pháp tư pháp được quy định tại Chương VI của BLHS, các biện pháp tư pháp được áp dụng đối với bị cáo là NCTN chỉ có duy nhất Tòa án có thẩm quyền áp dụng.

- *Giáo dục tại xã, phường, thị trấn*: Khi xét xử, Tòa án cần phải lưu ý là chỉ có những NCTN phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng mới có thể được áp dụng biện pháp này. Tòa án chỉ có quyền áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với NCTN phạm tội trong thời hạn từ 1 năm đến 2 năm.

- *Đưa vào trường giáo dưỡng*: Đây là biện pháp nghiêm khắc hơn so với biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Vì NCTN phạm tội bị hạn chế một phần tự do, họ phải học tập và chịu sự quản lý, giám sát mang tính kỷ luật chặt chẽ của tổ chức giáo dục. Do vậy, khi xét xử nếu xét thấy do tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội, do nhân thân và môi trường sống của NCTN phạm tội mà cần phải đưa họ vào cơ sở giáo dục có tính kỷ luật chặt chẽ thì Tòa án có thể áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với họ trong thời hạn từ 1 năm đến 2 năm.

Ngoài các quy định trên, chính sách xử lý đối với NCTN phạm tội còn thể hiện ở các chế định khác như tổng hợp hình phạt, xoá án tích, giảm thời hạn chấp hành hình phạt...

## ***1.2.2. Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người chưa thành niên***

### ***1.2.2.1. Phạm vi áp dụng thủ tục xét xử đối với người chưa thành niên***

Theo quy định của pháp luật TTHS thì quan hệ pháp luật TTHS phát sinh từ khi một người bị bắt, bị tạm giữ về hình sự. Đối với người thực hiện hành vi phạm tội bị bắt, bị tạm giữ, bị khởi tố, truy tố và xét xử là NCTN thì xuất phát từ nhận thức NCTN, BLTTHS năm 2003 đã dành một chương (Chương XXXII) quy định về thủ tục đặc biệt đối với NCTN.

Phạm vi áp dụng của Chương này được thể hiện tại Điều 301 BLTTHS như sau: "*Thủ tục tố tụng đối với người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là NCTN được áp dụng theo quy định của Chương này, đồng thời theo những quy định khác của Bộ luật này không trái với những quy định của Chương này*".

Như vậy, có thể hiểu phạm vi áp dụng thủ tục xét xử đối với bị cáo là NCTN bao gồm các quy định tại Chương XXXII BLTTHS (từ Điều 302 đến Điều 310) và tất cả những quy định khác của BLTTHS nếu không trái với những quy định của Chương này. Việc quy định phạm vi áp dụng như vậy để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo là NCTN.

### ***1.2.2.2. Việc áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo là NCTN***

Các biện pháp ngăn chặn được quy định trong BLTTHS bao gồm bắt, tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm. Đây là vấn đề rất nhạy cảm, nó đụng chạm đến quyền, lợi ích chính đáng của công dân. Tùy theo tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của bị can, bị cáo, các biện pháp ngăn chặn này có thể được áp dụng đối với cả trường hợp người phạm tội là người thành niên và trường hợp người phạm tội là NCTN ở các giai đoạn tố tụng nhằm bảo đảm cho công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Tuy nhiên, pháp luật về TTHS cũng có những quy định đặc biệt để áp dụng biện pháp ngăn chặn trong trường hợp bị can, bị cáo là NCTN.

### *Đối với các biện pháp tạm giam*

Chỉ có thể được bắt, tạm giam đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi nếu có đủ căn cứ quy định tại Điều 80, 88 của BLTTHS (còn các Điều 81, 82, 86, và 120 của BLTTHS không thuộc thẩm quyền áp dụng của Tòa án) và phải thỏa mãn điều kiện là họ phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng. Đối chiếu với Điều 80, 88 của BLTTHS thì Tòa án chỉ được bắt, tạm giam đối với NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi trong trường hợp họ phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng.

Chỉ được bắt, tạm giam đối với NCTN từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu có đủ căn cứ quy định tại Điều 80, 88 BLTTHS và phải thỏa mãn điều kiện là họ phạm tội nghiêm trọng do cố ý, phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng. Đối chiếu với Điều 80, 88 của BLTTHS thì Tòa án chỉ được bắt, tạm giam với NCTN từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi trong các trường hợp sau:

- + Họ phạm tội rất nghiêm trọng hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng
- + Họ phạm tội nghiêm trọng do cố ý và có căn cứ cho rằng họ có thể trốn hoặc cản trở việc xét xử hoặc có thể tiếp tục phạm tội.

### *Về việc giám sát bị can, bị cáo là NCTN*

Theo quy định tại Điều 304 BLTTHS thì nếu xét thấy việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với NCTN là không cần thiết, Viện kiểm sát và Tòa án có thể ra quyết định giao bị can, bị cáo là NCTN cho cha mẹ, người đỡ đầu của họ giám sát để bảo đảm sự có mặt của bị cáo khi có giấy triệu tập của cơ quan tiến hành tố tụng. Những người được giao nhiệm vụ giám sát có nghĩa vụ giám sát chặt chẽ NCTN, theo dõi tư cách, đạo đức và giáo dục người đó. Như vậy có nghĩa là trong mọi trường hợp, cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu thì việc giám sát bị cáo là NCTN phải được cha mẹ, người đỡ đầu của họ thực hiện. Quy định này khác hẳn quy định tại Điều 92 BLTTHS về biện pháp bảo lãnh là khi nhận bảo lãnh, cá nhân hoặc tổ chức phải làm giấy cam đoan không để bị can, bị cáo tiếp tục phạm tội và bảo đảm sự có mặt của bị can, bị cáo theo

giấy triệu tập của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án.

### *1.2.2.3. Việc tham gia tố tụng của người bào chữa*

Trong những vụ án mà bị can, bị cáo là NCTN thì việc tham gia tố tụng của người bào chữa là bắt buộc. Quyền được có người bào chữa trong quá trình tham gia tố tụng nói chung và trong quá trình xét xử sơ thẩm VAHS nói riêng là quyền cơ bản của NCTN. Tuy nhiên, cần lưu ý là đối với những trường hợp khi phạm tội, người phạm tội là NCTN nhưng khi khởi tố, truy tố, xét xử họ đã đủ 18 tuổi thì không bắt buộc phải có sự tham gia của người bào chữa.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của BLTTHS thì người bào chữa có thể là luật sư, người đại diện hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo hoặc bào chữa viên nhân dân. Việc tham gia tố tụng của người bào chữa có thể theo yêu cầu của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người đại diện hợp pháp của họ hoặc theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 57 và khoản 2 Điều 305 BLTTHS thì trong mọi trường hợp, nếu bị cáo là NCTN hoặc người đại diện hợp pháp của họ không mời người bào chữa thì bắt buộc Tòa án phải yêu cầu Đoàn luật sư phân công Văn phòng luật sư cử người bào chữa cho họ hoặc đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức thành viên của Mặt trận cử người bào chữa cho thành viên của tổ chức mình.

Trong trường hợp người bào chữa tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng thì người bị tạm giữ, bị can, bị cáo và người đại diện hợp pháp của họ vẫn có quyền yêu cầu thay đổi hoặc từ chối người bào chữa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 của BLTTHS. Đồng thời, người đại diện hợp pháp của bị cáo là NCTN cũng có thể lựa chọn người bào chữa hoặc tự mình bào chữa cho bị cáo. Trường hợp bị cáo là NCTN hoặc người đại diện hợp pháp của họ từ chối người bào chữa thì Tòa án phải tiến hành lập biên bản và lưu vào hồ sơ vụ án. Nếu bị cáo là NCTN từ chối người bào chữa nhưng người đại diện hợp pháp của họ không từ chối người bào chữa hoặc ngược lại thì phải bắt buộc phải có người bào chữa. Trường hợp cả bị cáo là NCTN và người đại diện hợp pháp của

họ đều từ chối người bào chữa thì Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử không có người bào chữa.

Theo quy định tại Điều 190 BLTTHS: *“Trong trường hợp bắt buộc phải có người bào chữa theo quy định tại khoản 2 Điều 57 của Bộ luật này mà người bào chữa vắng mặt, thì Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa”*. Do vậy, trong mọi trường hợp, khi xét xử sơ thẩm VAHS mà bị cáo là NCTN mà người bào chữa của họ vắng mặt tại phiên tòa thì HĐXX phải hoãn phiên tòa. Điều này cũng đồng nghĩa với việc trong quá trình xét xử sơ thẩm VAHS mà bị cáo là NCTN nếu không có người bào chữa tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, trừ trường hợp bị cáo là NCTN và người đại diện hợp pháp của họ từ chối như đã đề cập ở trên.

*1.2.2.4. Việc tham gia tố tụng của người đại diện hợp pháp, đại diện gia đình, nhà trường và tổ chức*

Việc truy cứu TNHS đối với NCTN phạm tội đòi hỏi phải được tiến hành thận trọng nhằm hạn chế tối đa những ảnh hưởng tiêu cực đến tương lai của họ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 306 của BLTTHS, thì trong trường hợp người phạm tội là NCTN, việc tham gia tố tụng của đại diện gia đình người bị tạm giữ, bị can, bị cáo; thầy giáo, cô giáo, đại diện nhà trường, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tổ chức khác nơi người bị tạm giữ, bị can, bị cáo học tập, lao động và sinh sống vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ theo quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Cho đến nay, mặc dù chưa có văn bản giải thích chính thức "đại diện gia đình" của NCTN phạm tội là ai; tuy nhiên, chúng tôi cho rằng khái niệm "đại diện gia đình" trong điều luật này được hiểu rộng hơn khái niệm "người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên", không chỉ bao gồm cha, mẹ, người giám hộ của NCTN mà còn có thể là anh, chị, ông, bà, cô, dì, chú, bác hoặc những người thân thích khác của họ.

Có quan điểm cho rằng “*Người đại diện hợp pháp của bị can, bị cáo là bố mẹ đẻ, bố mẹ nuôi, người đỡ đầu, anh, chị em ruột và những người theo quy định của pháp luật đối với bị can, bị cáo là người chưa thành niên*” [34, tr.109].

Theo quan điểm của tác giả thì người đại diện hợp pháp của bị cáo là NCTN bao gồm cha, mẹ hoặc người giám hộ (đối với trường hợp bị cáo không còn cả cha và mẹ, không xác định được cha, mẹ hoặc cả cha và mẹ đều mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị tòa án hạn chế quyền của cha, mẹ). Bởi vì, Điều 141 BLDS năm 2005 (hiện nay là Điều 136 BLDS năm 2015) quy định thì cha, mẹ là người đại diện theo pháp luật đối với con chưa thành niên. Người giám hộ là người đại diện theo pháp luật đối với người được giám hộ. Do đó, khi xét xử sơ thẩm VAHS đối với bị cáo là NCTN, Tòa án cần xác định cha, mẹ hoặc người giám hộ là người đại diện hợp pháp của bị cáo là NCTN. Người đại diện hợp pháp của bị cáo là NCTN có thể lựa chọn người bào chữa hoặc tự mình bào chữa cho bị cáo. Khi người đại diện hợp pháp của bị cáo tự mình bào chữa cho bị cáo thì họ thực hiện quyền và nghĩa vụ của người bào chữa. Đồng thời họ cũng có quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện hợp pháp của bị cáo và có thể là người đại diện gia đình của bị cáo.

Ngoài ra, khoản 1 Điều 306 BLTTHS quy định việc tham gia tố tụng của đại diện gia đình bị cáo, thầy giáo, cô giáo, đại diện nhà trường, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tổ chức khác nơi bị cáo học tập, lao động và sinh sống vừa là quyền nhưng đồng thời cũng là nghĩa vụ theo quyết định của Tòa án.

Khi xét xử sơ thẩm VAHS đối với bị cáo là NCTN, Tòa án phải triệu tập đại diện gia đình bị cáo và đại diện nhà trường, tổ chức nơi bị cáo học tập, lao động tham gia phiên tòa. Trong trường hợp đại diện gia đình của bị cáo vắng mặt tại phiên tòa có lý do chính đáng thì HĐXX phải hoãn phiên tòa. Khi tham gia tố tụng tại phiên tòa, đại diện gia đình bị cáo, đại diện của nhà trường, tổ chức có quyền đưa ra các tài liệu, đồ vật, yêu cầu nhằm bảo vệ quyền, lợi ích của bị cáo. Đồng thời họ còn có quyền đề nghị thay đổi những người tiến hành tố tụng; tham

gia tranh luận, khiếu nại các hành vi tố tụng của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và các quyết định khác của Tòa án.

#### *1.2.2.5. Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm*

Điều 185 BLTTHS năm 2003 đã quy định thành phần HĐXX sơ thẩm gồm một Thẩm phán và hai Hội thẩm. Trong trường hợp vụ án có tính chất nghiêm trọng, phức tạp thì HĐXX có thể gồm hai Thẩm phán và ba HTND. Riêng đối với những vụ án mà bị cáo bị đưa ra xét xử về tội theo khung hình phạt có mức cao nhất là tử hình thì bắt buộc HĐXX sơ thẩm phải gồm hai thẩm phán và ba HTND. Cần chú ý là khung hình phạt có mức cao nhất là tử hình chứ không phải điều luật có quy định hình phạt cao nhất là tử hình.

Điều 307 BLTTHS cũng đã có quy định thành phần HĐXX vụ án hình sự đối với bị cáo là NCTN phải có một HTND là giáo viên hoặc là cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Nếu khi xét xử mà thành phần HĐXX không đúng theo như quy định nêu trên thì được xem là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Quy định này của BLTTHS nhằm đảm bảo cho HĐXX, ngoài Thẩm phán ra phải có ít nhất một Hội thẩm có hiểu biết về tâm, sinh lý và có kinh nghiệm trong việc giáo dục NCTN. Đối với hội thẩm là giáo viên thì có thể đang hoặc đã là giáo viên [62, tr.46]. Có nghĩa là không bắt buộc tại thời điểm khi xét xử họ phải đang là giáo viên mà có thể trước đó họ là giáo viên nhưng tại thời điểm xét xử họ đã nghỉ hưu hoặc không còn làm công việc giảng dạy nữa. Đối với Thẩm phán, đòi hỏi phải là người có những hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục cũng như về hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm của NCTN.

#### *1.2.2.6. Phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người chưa thành niên*

Thủ tục xét xử sơ thẩm VAHS đối với NCTN về nguyên tắc chung được quy định tại Phần thứ ba của BLTTHS và không trái với quy định tại Chương XXXII của BLTTHS. Do đó, thủ tục xét xử tại phiên tòa sơ thẩm hình sự mà bị



cáo là NCTN được tiến hành theo một trình tự sau đây:

- *Thủ tục bắt đầu phiên tòa*: Thủ tục này chính là phần mở đầu mà thực tiễn xét xử thường gọi là “phần thủ tục” bao gồm nhiều việc phải tiến hành cho đến khi chuyển sang phần xét hỏi tại phiên tòa. Theo quy định tại Điều 201 của BLTTHS thì việc xét xử được tiến hành từ thủ tục bắt đầu phiên tòa. Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa tuyên bố khai mạc phiên tòa và đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử. Khi Thẩm phán đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử phải yêu cầu mọi người trong phòng xử án đứng dậy. Sau khi đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán là Chủ tọa phiên tòa kiểm tra căn cước, yêu cầu Thư ký phiên tòa báo cáo danh sách những người được triệu tập đến phiên tòa, ai có mặt, vắng mặt và báo cáo lý do vắng mặt theo quy định tại Điều 201 BLTTHS.

Thông qua nội dung của quyết định đưa vụ án ra xét xử, đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng biết được phiên tòa được triệu tập đúng thời hạn theo quy định của pháp luật hay không, đồng thời cũng thông qua quyết định đưa vụ án ra xét xử họ có thể biết được những người tham gia tố tụng mà Tòa án triệu tập, các vật chứng được đưa ra xem xét để có thể có những yêu cầu cần thiết. Trong vụ án có bị cáo là NCTN thì sự có mặt của đại diện gia đình bị cáo hoặc đại diện nhà trường hoặc tổ chức xã hội tại phiên tòa là bắt buộc theo quy định của khoản 3 Điều 306 BLTTHS.

Cùng với việc kiểm tra căn cước những người tham gia tố tụng, Chủ tọa phiên tòa giải thích quyền và nghĩa vụ của họ, Chủ tọa phiên tòa cần làm rõ thực tế những người đó đã được bảo đảm để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng như thế nào. Chủ tọa hỏi KSV và những người tham gia tố tụng (bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, đại diện nhà trường, tổ chức, người bào chữa, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người đại diện hợp pháp của họ) có đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch hay không. Khi có người yêu cầu thay đổi ai trong số những người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch thì căn cứ vào điều luật tương

ứng để xem xét và quyết định. Việc quyết định phải được thảo luận, thông qua tại phòng nghị án và phải được lập thành văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 199 BLTTHS. Trường hợp bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp của bị cáo yêu cầu thay đổi người bào chữa thì HĐXX thảo luận và thông qua tại phòng xử án. Căn cứ vào Điều 56 BLTTHS để xem xét, quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận. Việc chấp nhận hay không chấp nhận cũng đã được tác giả phân tích, làm rõ tại mục việc tham gia tố tụng của người bào chữa ở phần trên.

Chủ tọa phiên tòa hỏi bị cáo đã nhận được bản cáo trạng theo quy định tại khoản 2 Điều 49 và quyết định đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn được quy định tại khoản 1 Điều 182 hay chưa. Nếu bị cáo chưa nhận được bản cáo trạng và quyết định đưa vụ án ra xét xử hoặc đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử từ chín ngày trở xuống trước khi mở phiên tòa thì phải hỏi bị cáo và người đại diện hợp pháp của họ có đồng ý để Tòa án tiến hành xét xử vụ án hay không. Nếu bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo đồng ý thì ghi vào biên bản phiên tòa và tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung. Nếu bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo không đồng ý thì HĐXX phải hoãn phiên tòa để tiến hành giao nhận cáo trạng và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, chủ tọa phiên tòa còn hỏi KSV và những người tham gia tố tụng xem có ai triệu tập thêm người làm chứng hoặc yêu cầu đưa thêm vật chứng, tài liệu ra xem xét hay không. Nếu có người tham gia tố tụng vắng mặt thì hỏi xem có ai yêu cầu hoãn phiên tòa hay không. Tùy thuộc vào yêu cầu cụ thể mà căn cứ vào điều luật tương ứng của BLTTHS để xem xét và quyết định. Nếu người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa vắng mặt thì hoãn phiên tòa. Việc quyết định vấn đề này được HĐXX thảo luận và thông qua tại phòng xử án, không phải lập thành văn bản, nhưng phải được ghi vào biên bản phiên tòa.

- *Thủ tục xét hỏi tại phiên tòa:* Xét hỏi tại phiên tòa là giai đoạn trung tâm của việc thực hiện chức năng xét xử, có tính chất quyết định đối với vụ án, trong

đó HĐXX và những người tham gia tố tụng tiến hành việc nghiên cứu và kiểm tra các chứng cứ, kết luận điều tra, bản cáo trạng một cách công khai về những tình tiết của vụ án. Trong giai đoạn xét hỏi tại phiên tòa, HĐXX phải trực tiếp nghiên cứu các chứng cứ của vụ án như: xét hỏi bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, nghe kết luận của người giám định, xem xét xác vật chứng, đọc biên bản, công bố lời khai, công bố các tài liệu, xem xét tại chỗ...

Theo quy định tại Điều 206 BLTTHS, thì thủ tục xét hỏi tại phiên tòa sơ thẩm được bắt đầu bằng việc KSV đọc bản cáo trạng và trình bày những ý kiến bổ sung nếu có. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát đọc xong bản cáo trạng, việc xét hỏi được tiến hành theo quy định tại Điều 207 BLTTHS. HĐXX phải xác định đầy đủ các tình tiết về từng việc và về từng tội của vụ án theo thứ tự xét hỏi hợp lý. Đây là quy định có tính hướng dẫn là chủ yếu, vì thực tiễn xét xử việc xét hỏi hay dở còn tùy thuộc vào năng lực của chủ tọa phiên tòa và các thành viên của HĐXX, hỏi ai trước, hỏi việc gì trước là hoàn toàn do chủ tọa phiên tòa quyết định căn cứ vào kết quả điều tra cũng như thái độ khai báo của từng bị cáo. Có người hỏi bị cáo trước, có người lại hỏi người bị hại trước, lại có người hỏi người làm chứng trước. Để bảo đảm việc xét hỏi tại phiên tòa đạt kết quả, nhất là những vụ án có nhiều bị cáo, phạm nhiều tội khác nhau, chủ tọa phiên tòa phải chuẩn bị một bản đề cương xét hỏi. Dựa vào đề cương để xét hỏi nhằm xác định hành vi phạm tội của từng bị cáo, của từng tội mà bị cáo bị truy tố.

Cần chú ý là việc xét hỏi tại phiên tòa đối với các vụ án mà bị cáo là NCTN cần được thực hiện một cách thân thiện, từ tốn, nhẹ nhàng; tránh gay gắt để giúp cho họ bình tĩnh khai báo đúng sự thật khách quan. HĐXX có thái độ phù hợp để động viên bị cáo khai báo, trường hợp nếu bị cáo quá sợ hãi hoặc vì lý do nào đó mà không thể khai báo thì chủ tọa phiên tòa có thể cách ly người đó trong khi xét hỏi bị cáo là NCTN hoặc tạm thời chuyển sang xét hỏi người khác để bị cáo có thời gian và điều kiện trấn tĩnh.

Việc xét hỏi đại diện gia đình, nhà trường, tổ chức... để xác định nguyên nhân và điều kiện phạm tội là rất cần thiết đối với việc xử lý vụ án nói chung và biện pháp lý hình sự đối với bị cáo là NCTN nói riêng. Đại diện gia đình, nhà trường... được trình bày các chứng cứ, đưa ra các yêu cầu và nếu được chủ tọa đồng ý có thể hỏi bị cáo.

Sau khi đã xem xét đầy đủ các tình tiết của vụ án, chủ tọa phiên tòa hỏi KSV, bị cáo, người bào chữa và những người khác tham gia phiên tòa xem có ai yêu cầu xét hỏi thêm vấn đề gì nữa không. Nếu có người yêu cầu và chủ tọa phiên tòa xét thấy yêu cầu đó là cần thiết thì quyết định tiếp tục việc xét hỏi. Nếu không ai yêu cầu hoặc có yêu cầu nhưng chủ tọa phiên tòa thấy yêu cầu đó là không cần thiết thì tuyên bố kết thúc việc xét hỏi tại phiên tòa và chuyển sang phần tranh luận.

- *Thủ tục tranh luận tại phiên tòa:* Theo quy định tại Điều 217 của BLTTHS thì trình tự phát biểu khi tranh luận tại phiên tòa là bắt buộc và theo thứ tự sau:

Sau khi kết thúc việc xét hỏi tại phiên tòa, KSV trình bày lời luận tội, trong bản luận tội KSV phải căn cứ vào những chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa mà đánh giá chứng cứ, xác định những chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội, những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ TNHS để đề nghị với Tòa án quyết định việc bị cáo có phạm tội hay không phạm tội, nếu kết luận bị cáo có tội thì đề nghị giải quyết về hình sự và giải quyết việc bồi thường thiệt hại (nếu có). Trong khi luận tội, KSV có những quyền quy định tại khoản 1 Điều 217 của BLTTHS, KSV không có quyền kết luận về tội danh nặng hơn tội danh đã truy tố, vì theo quy định tại Điều 196 của BLTTHS, thì Tòa án chỉ xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã quyết định đưa ra xét xử. Tòa án có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 51 BLTTHS thì “*Trong trường hợp vụ án*

*được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại quy định tại Điều 105 của Bộ luật này thì người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ trình bày lời buộc tội tại phiên tòa".* Việc người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ trình bày lời buộc tội tại phiên tòa phải thực hiện theo đúng quy định chung của BLTTHS về phiên tòa sơ thẩm, được phát biểu theo trình tự khi tranh luận tại phiên tòa quy định tại Điều 217 của BLTTHS.

Sau khi KSV trình bày lời luận tội đối với bị cáo tại phiên tòa, người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo mà mình nhận bào chữa, sau khi người bào chữa trình bày xong, đại diện gia đình bị cáo tham gia tranh luận rồi đến bị cáo trình bày ý kiến bổ sung. Thông thường, đại diện gia đình bị cáo chưa thành niên tham gia tranh luận trước phiên tòa với hai tư cách tố tụng: Bào chữa, bảo vệ quyền lợi cho bị cáo chưa thành niên; bảo vệ quyền lợi cho cá nhân mình với tư cách là bị đơn hoặc đồng bị đơn dân sự. Vì ngoài việc bào chữa cho hành vi phạm tội của con em mình.

Theo quy định tại Điều 218 BLTTHS thì bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác có quyền trình bày ý kiến về lời luận tội của KSV và đưa ra đề nghị của mình; KSV phải đưa ra những lập luận của mình đối với từng ý kiến. Người tham gia tranh luận có quyền đáp lại ý kiến của người khác. Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, tạo điều kiện cho những người tham gia tranh luận trình bày hết ý kiến, nhưng có quyền cắt những ý kiến không có liên quan đến vụ án. Chủ tọa phiên tòa có quyền đề nghị KSV phải đáp lại những ý kiến có liên quan đến vụ án của người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác mà những ý kiến đó chưa được KSV tranh luận.

Nguyên tắc xét xử trực tiếp đòi hỏi những người tham gia tranh luận chỉ được viện dẫn những chứng cứ đã được xem xét trong phần xét hỏi tại phiên tòa, do đó KSV, người bào chữa và bị cáo, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và các đương sự đều phải căn cứ vào những chứng cứ đã được xem xét trong phần xét hỏi tại phiên tòa, không được đưa ra những chứng cứ mà chưa được xét hỏi tại

phiên tòa. Nếu có yêu cầu xuất trình chứng cứ mới thì những người tham gia tranh luận có thể yêu cầu HĐXX trở lại phần xét hỏi tại phiên tòa hoặc qua tranh luận mà HĐXX thấy cần xem xét thêm chứng cứ thì quyết định trở lại xét hỏi theo quy định tại Điều 219 BLTTHS. Nếu trở lại việc xét hỏi, thì sau khi xét hỏi xong phải tiếp tục thủ tục tranh luận như quy định tại Điều 217 và Điều 218 của BLTTHS.

Sau khi những người tham gia tranh luận không trình bày gì thêm, chủ tọa phiên tòa tuyên bố kết thúc phần tranh luận và cho phép bị cáo nói lời sau cùng theo quy định tại Điều 220 BLTTHS. Trong lời nói sau cùng, bị cáo có quyền trình bày tất cả những gì mà họ thấy cần phải nói, thái độ của mình đối với việc buộc tội, đề nghị HĐXX lưu ý tình tiết này hay tình tiết khác của vụ án. HĐXX phải lắng nghe lời nói cuối cùng của bị cáo, kể cả việc họ tự bào chữa mà trong phần tranh luận họ đã trình bày. Nếu trong lời nói sau cùng, bị cáo trình bày thêm tình tiết mới có ý nghĩa quan trọng đối với vụ án thì HĐXX phải quyết định trở lại việc xét hỏi. Sau khi xét hỏi xong phải tiếp tục tranh luận.

Trong quá trình tranh luận tại phiên tòa, nếu KSV rút một phần quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn thì HĐXX vẫn tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung. Nếu KSV rút toàn bộ quyết định truy tố thì trước khi nghị án, HĐXX yêu cầu những người tham gia tố tụng tại phiên tòa trình bày ý kiến về việc rút truy tố đó theo quy định tại Điều 221 BLTTHS.

- *Thủ tục nghị án và tuyên án:* Việc nghị án đối với vụ án mà bị cáo là NCTN vẫn thực hiện theo quy định tại Điều 222 BLTTHS. Chỉ Thẩm phán và Hội thẩm là thành viên HĐXX mới có quyền nghị án. Khi nghị án, HĐXX phải tuyệt đối tuân thủ đúng nguyên tắc Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Trong quá trình nghị án, HĐXX cần đặc biệt chú ý đến chính sách hình sự đối với NCTN phạm tội được quy định trong BLHS. Các thành viên HĐXX phải giải quyết tất cả các vấn đề của vụ án bằng cách biểu quyết theo đa số về từng vấn đề một; cụ thể là các vấn đề chính sau: căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được

kiểm tra tại phiên tòa, qua việc xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa đã đủ căn cứ kết tội bị cáo hay chưa. Nếu đã đủ căn cứ kết tội thì bị cáo phạm tội gì, theo điểm, khoản, điều luật nào của BLHS. Hình phạt chính, hình phạt bổ sung, các biện pháp tư pháp đối với bị cáo, án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm. Kiến nghị sửa chữa những khuyết điểm trong công tác quản lý. Các hội thẩm biểu quyết trước, Thẩm phán là chủ tọa phiên tòa biểu quyết sau cùng. Thành viên của HĐXX có ý kiến thiếu số thì có quyền (không phải là nghĩa vụ) trình bày ý kiến của mình bằng văn bản riêng và được đưa vào hồ sơ vụ án. Qua việc nghị án nếu thấy có tình tiết của vụ án chưa được xét hỏi hoặc xét hỏi chưa đầy đủ, thì HĐXX quyết định trở lại việc xét hỏi và tranh luận.

Nếu KSV rút toàn bộ quyết định truy tố trước khi nghị án và HĐXX xét thấy có căn cứ xác định bị cáo không phạm tội thì ra bản án tuyên bố bị cáo không phạm tội. Việc ra bản án này có ý nghĩa là Tòa án đã xét xử vụ án và xác định bị cáo không phạm tội. Nếu xét thấy việc rút quyết định truy tố của KSV không có căn cứ thì HĐXX quyết định tạm đình chỉ vụ án và kiến nghị với Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp để xem xét.

Việc tuyên án cần phải thực hiện theo đúng quy định tại Điều 226 BLTTHS. Khi tuyên án, HĐXX phải yêu cầu mọi người trong phòng xử án đứng dậy. Chủ tọa phiên tòa hoặc thành viên của HĐXX đọc bản án. Sau khi tuyên án xong, nếu xét thấy cần thiết thì HĐXX giải thích thêm về việc chấp hành bản án và quyền kháng cáo của bản án sơ thẩm.

Đối với bị cáo không biết tiếng Việt, thì ngay sau khi tuyên án người phiên dịch phải đọc lại cho bị cáo nghe toàn bộ bản án sang thứ tiếng mà bị cáo biết. Bản án quy định tại Điều 226 của BLTTHS cần được hiểu là phần bản án có liên quan đến bị cáo không biết tiếng Việt, có nghĩa là người phiên dịch chỉ phải đọc lại cho bị cáo nghe toàn bộ phần bản án có liên quan đến bị cáo không biết tiếng Việt.

## **Kết luận chương 1**

Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm đến việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục thế hệ trẻ của đất nước, là nguồn lực quan trọng cho sự phát triển bền vững của nước ta. Vì vậy, chính sách hình sự nhất quán của Nhà nước ta đối với NCTN luôn là không mang tính chất trừng phạt mà chủ yếu là giáo dục, giúp đỡ họ để họ có cơ hội sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, nên Nhà nước một mặt tích cực tham gia các điều ước Quốc tế về bảo vệ trẻ em, trong đó có đối tượng là NCTN, mặt khác luôn luôn kiện toàn tổ chức bộ máy Nhà nước, có cơ chế phù hợp để chăm lo giáo dục, rèn luyện phát triển cho NCTN.

Trong những năm qua, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật nhằm điều chỉnh các mối quan hệ có đối tượng là NCTN và giành những chương riêng trong BLTTHS, BLHS và các văn bản pháp luật khác như Bộ luật Lao động năm 2012, Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 (hiện nay là Luật Trẻ em năm 2016); Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Bộ luật Lao động năm 2012, Bộ luật Dân sự năm 2005, Luật Trợ giúp pháp lý 2006..., qua đó cho chúng ta thấy sự quan tâm sâu sắc của Đảng và Nhà nước đối với NCTN.

Bên cạnh ban hành các văn bản pháp luật, Đảng và Nhà nước còn quan tâm sâu sắc chỉ đạo kịp thời đối với các vấn đề tội phạm là NCTN, cũng như vấn đề đấu tranh phòng chống tội phạm ở lứa tuổi này.



## Chương 2

# THỰC TIỄN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ MÀ BỊ CÁO LÀ NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN TẠI TỈNH THANH HÓA

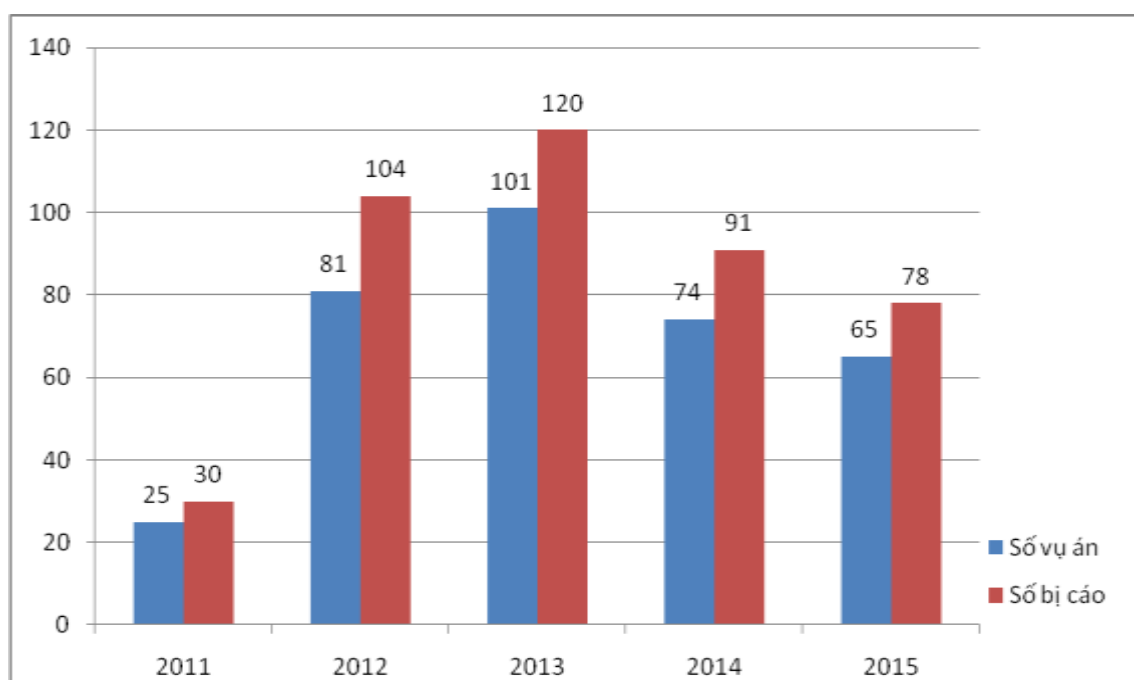
### 2.1. Khái quát tình hình tội phạm người chưa thành niên trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá

Thanh Hoá là một địa bàn có đặc điểm địa lý, dân cư, dân tộc rất phức tạp. Bên cạnh những thuận lợi cho việc phát triển kinh tế xã hội và hợp tác quốc tế thì Thanh Hóa cũng là một địa bàn thuận lợi cho việc phát sinh hoạt động phạm tội nói chung và NCTN phạm tội nói riêng. Mặc dù trong những năm gần đây, công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật được triển khai rộng khắp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Nhiều công tác phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn và trấn áp tội phạm đã được cơ quan công an phối hợp với các cơ quan bảo vệ, thực thi pháp luật và các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để triển khai các biện pháp nhằm mục đích ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm. Tuy nhiên, tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá đang diễn biến phức tạp. Theo báo cáo tổng kết của TAND tỉnh Thanh Hóa, những năm gần đây số lượng tội phạm hình sự nói chung và tội phạm là NCTN có chiều hướng gia tăng, một số năm có số vụ án xét xử năm sau tăng hơn năm trước và xảy ra trên hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội nhưng chủ yếu trong lĩnh vực xâm phạm sở hữu, xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, các tội liên quan tới ma túy, gây rối trật tự công cộng, phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia.

*Về thực trạng, diễn biến tình hình tội phạm:*

Qua khảo sát số liệu thống kê về tình hình tội phạm đã được TAND cấp sơ thẩm ở tỉnh Thanh Hóa đưa ra xét xử từ năm 2011 đến năm 2015 đã được thể hiện ở phụ lục 1 và được mô tả chi tiết qua biểu đồ dưới đây:

**Biểu đồ 2.1. Các vụ án hình sự mà bị cáo là NCTN đã được Tòa án cấp sơ thẩm ở tỉnh Thanh Hóa xét xử từ năm 2011 - 2015**



( Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, tháng 5/2016)

Cụ thể: Nếu như năm 2010, TAND cấp sơ thẩm ở tỉnh Thanh Hóa đã thụ lý và giải quyết 24 vụ án hình sự với 37 bị cáo thì đến năm 2011 đã tăng lên 25 vụ án và 30 bị cáo (tăng 1 vụ án, giảm 7 bị cáo).

Đến năm 2012, tình hình tội phạm do NCTN thực hiện trên địa bàn tỉnh đã có diễn biến phức tạp và gia tăng. Các TAND cấp sơ thẩm ở tỉnh Thanh Hóa thụ lý và đưa ra xét xử tăng cao với 81 vụ, 104 bị cáo (tăng 56 vụ với 74 bị cáo) so với năm 2011.

Năm 2013, tình hình tội phạm do NCTN thực hiện không có dấu hiệu giảm mà còn tiếp tục gia tăng. Các TAND cấp sơ thẩm ở tỉnh Thanh Hóa đã thụ lý 104 vụ án hình sự với 121 bị cáo. Trong đó đã giải quyết 101 vụ án hình sự với 120 bị cáo (tăng 20 vụ/ 16 bị cáo) so với năm 2012.

Trong năm 2014, tình hình tội phạm do NCTN thực hiện đã có phần giảm hơn so với hai năm trước đó cả về số vụ án và số bị cáo, chỉ còn 74 vụ với 91 bị cáo (giảm 27 vụ, 29 bị cáo) đã được TAND cấp sơ thẩm đưa ra xét xử.

Đến năm 2015, tình hình tội phạm do NCTN thực hiện trên địa bàn tỉnh tiếp tục có xu hướng giảm nhẹ so với năm 2014 cả về số vụ án, số bị cáo tham gia phạm tội, còn 65 vụ với 78 bị cáo (giảm 9 vụ, 13 bị cáo) đã được tòa đưa ra xét xử.

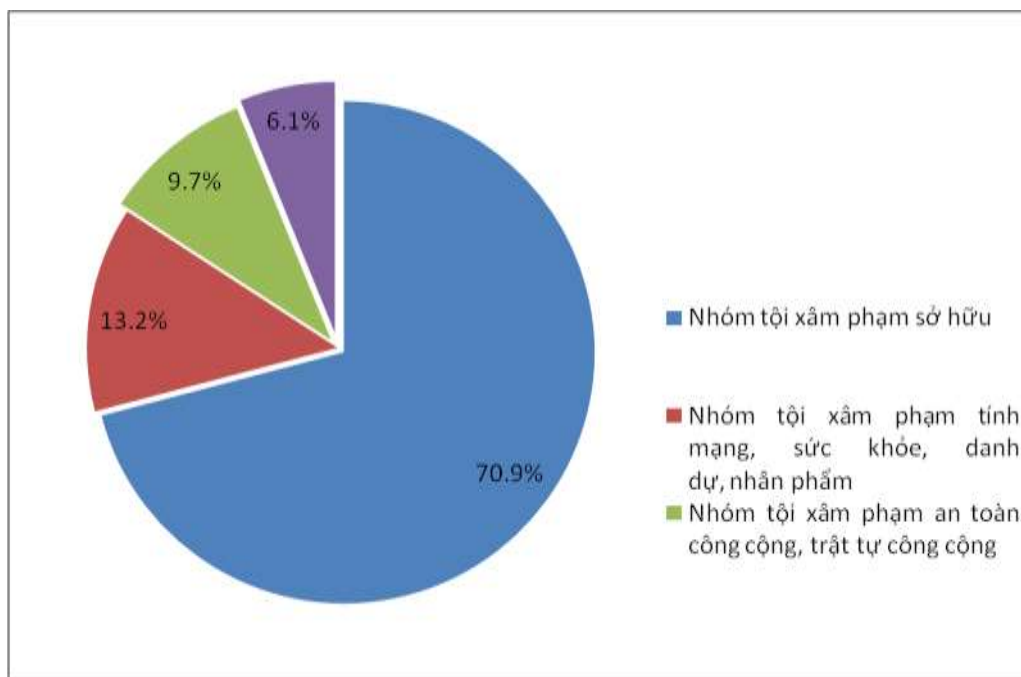
Như vậy, từ năm 2011 đến năm 2015, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là 346 vụ với 423 bị cáo là NCTN. Số vụ án và số lượng các bị cáo là NCTN tăng cao, năm sau nhiều hơn năm trước, nhưng hai năm 2014 và 2015 có xu hướng giảm đã phản ánh diễn biến tăng giảm không đồng đều của tình hình tội phạm do NCTN phạm tội gây ra (phụ lục 1).

#### *Về cơ cấu nhóm tội phạm*

Cơ cấu tội phạm của NCTN thực hiện có những nét đặc thù với đặc điểm của lứa tuổi cũng như vị trí, vai trò xã hội của NCTN. Số lượng thống kê cho thấy, NCTN phạm tội trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có thể thực hiện hầu hết các tội danh được quy định trong BLHS, nhưng phần lớn nhóm tội danh do NCTN phạm tội chủ yếu là nhóm “các tội xâm phạm sở hữu”, các “tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người khác”, “các tội về ma túy”, các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng”, “các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính”.

Trong cơ cấu nhóm tội, thì nhóm tội xâm phạm sở hữu có số bị cáo lớn nhất, với 300 bị cáo, chiếm 70,9%; tiếp đến là nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm với 56 bị cáo chiếm 13,2%; nhóm tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng với 41 bị cáo chiếm 9,7%; nhóm tội phạm về ma túy chỉ có 26 bị cáo, chiếm 6,1%...

**Biểu đồ 2.2. Cơ cấu tội phạm là NCTN theo nhóm tội**

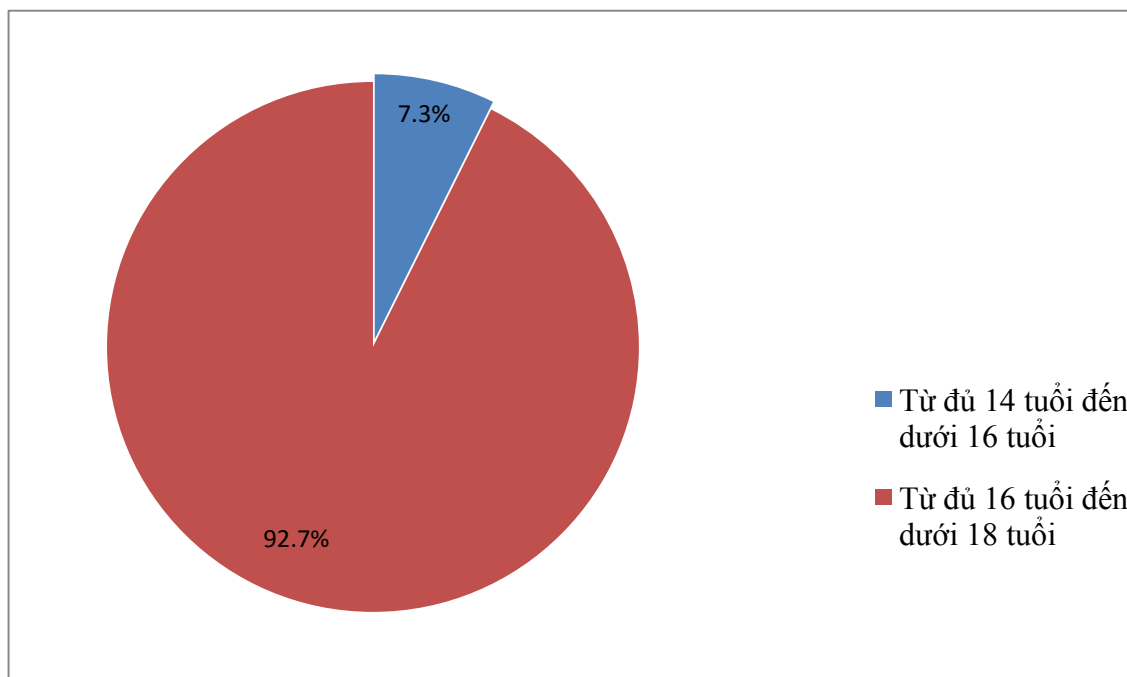


( Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, tháng 5/2016)

#### *Về cơ cấu lứa tuổi*

Những năm qua, tình hình tội phạm do NCTN thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa ngày càng có xu hướng trẻ hóa. Theo thống kê của Công an tỉnh Thanh Hóa có khoảng 63% tội phạm trong độ tuổi từ 14 tuổi đến 30 tuổi gây ra. NCTN thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã được TAND cấp sơ thẩm ở tỉnh Thanh Hóa đưa ra xét xử có số lượng bị cáo là NCTN ở độ tuổi từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi là 31 bị cáo, chiếm 7,3%, các bị cáo là NCTN ở độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi là 392 bị cáo, chiếm 92,7%, (phụ lục 2).

**Biểu đồ 2.3. Cơ cấu tội phạm là NCTN theo độ tuổi**



( Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, tháng 5/ 2016)

Trên cơ sở phân tích thực trạng, cơ cấu, tính chất của NCTN có thể khái quát nhận xét sau:

*Thứ nhất*, tội phạm do NCTN gây ra trong 5 năm trở lại đây ở tỉnh Thanh Hóa có xu hướng tăng, giảm không đồng đều về số vụ án và bị cáo, tính chất hành vi phạm tội ngày càng có tính chất nghiêm trọng, đặc biệt đối với các tội “Tội xâm phạm sở hữu” các tội “Xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người” và các tội “Xâm phạm trật tự an toàn công cộng, trật tự công cộng”.

*Thứ hai*, tình hình NCTN phạm tội có xu hướng sử dụng bạo lực và tính chất băng nhóm gia tăng hơn đã gây ảnh hưởng lớn đến trật tự an toàn xã hội. Các tội liên quan đến tệ nạn xã hội cũng xuất hiện nhiều hơn trong cơ cấu tội phạm NCTN ở tỉnh Thanh Hóa trong những năm gần đây.

*Thứ ba*, tình hình tội phạm hình sự không những gia tăng tại các khu vực trọng điểm đông dân cư như các thị xã, thành phố mà còn diễn biến phức tạp tại các địa bàn, các huyện nông thôn, miền núi, ven biển.

*Thứ tư*, NCTN phạm tội đa số là trong độ tuổi từ 16 đến dưới 18 tuổi, 394/423, chiếm tỷ lệ gần 93%, (phụ lục 2).

*Thứ năm*, đại đa số NCTN phạm tội đều đã bỏ học, có trình độ văn hóa thấp, 289/423, chiếm tỷ lệ 68,3%, (phụ lục 2).

## **2.2. Thực tiễn thực hiện thủ tục tố tụng hình sự trong xét xử các vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên**

*Thứ nhất*, thực tiễn đảm bảo thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng

Bị can, bị cáo là người bị ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ nhất định của pháp luật. Qua trao đổi với lãnh đạo và thẩm phán của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa về đảm bảo thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng trong các vụ án hình sự mà bị cáo là NCTN từ năm 2011 đến năm 2015, các Thẩm phán cho biết, trong quá trình thực hiện BLTTHS năm 2003 và sự chỉ đạo, hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao thì các tòa án đã thực hiện nghiêm túc, các quyền của bị cáo cơ bản được Tòa án bảo đảm như quyền được nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyền nhận quyết định thay đổi hay hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, nhận quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án....Dựa vào nội dung của quyết định này, bị cáo biết được tội danh của mình, thời gian, địa điểm mở phiên tòa, tên của những người tham gia tố tụng. Trên cơ sở đó, họ mới có thể thực hiện các quyền của mình như quyền tham gia phiên tòa, quyền được thay đổi người tiến hành tố tụng, quyền tự mình bào chữa hoặc nhờ người bào chữa, quyền đưa ra các tài liệu, đồ vật, yêu cầu, quyền được trình bày ý kiến tranh luận tại phiên tòa, quyền khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan hay người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và quyền được kháng cáo các bản án, quyết định của Tòa án. Vì thế, các Tòa án khi xét xử sơ thẩm cũng rất ít khi để xảy ra vi phạm quyền và nghĩa vụ của bị cáo.

Tuy nhiên, có nhiều bị cáo là NCTN và người đại diện của bị cáo do trình độ văn hóa thấp, thiếu hiểu biết pháp luật, hiểu biết về quyền và nghĩa vụ được quy định trong LTTTHS hạn chế nên cũng không thực hiện hết quyền lợi của mình, có tâm lý chung phó mặc bản thân cho Tòa án; một số bị cáo đã từ chối

người bào chữa vì sợ phát sinh chi phí mặc dù đã được HĐXX giải thích cho họ; tuyệt đại đa số các vụ án xét xử sơ thẩm vụ án hình sự có bị cáo là NCTN không có yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng. Một số phiên tòa thì Thẩm phán cũng không giải thích cho họ hiểu hết về quyền lợi và nghĩa vụ của mình nên bị cáo còn lúng túng trong việc thực hiện quyền lợi, nghĩa vụ của mình, không đảm bảo cho bị cáo trình bày hết ý kiến của mình tại phiên tòa, một số chứng cứ đưa ra cũng xem xét không kỹ lưỡng dẫn đến đánh giá sai sự thật của tình tiết vụ án, không ít các vụ án có Tòa án đã triệu tập một số người bào chữa còn mang tính hình thức, không đảm bảo chất lượng khi bảo vệ cho bị cáo. Bên cạnh đó, một số bị cáo đã không thực hiện hết các nghĩa vụ của mình theo Điều 50 BLTTHS năm 2003 như chậm có mặt, trốn tránh nên phải áp giải đến Tòa án.

*Thứ hai*, thực tiễn áp dụng biện pháp ngăn chặn. Thực tiễn xét xử sơ thẩm VAHS mà bị can, bị cáo là NCTN trong những năm qua cho thấy, các biện pháp ngăn chặn được áp dụng đối với NCTN phạm tội chủ yếu là các biện pháp tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú khi có căn cứ, nhằm kịp thời ngăn chặn tội phạm hoặc bị can, bị cáo trốn tránh pháp luật sẽ gây khó khăn cho việc xét xử cũng như bảo đảm thi hành án. Một số phiên tòa xét xử sơ thẩm hình sự, HĐXX đã phải gia hạn tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc xét xử và thi hành án khi xác định bị cáo bị phạt tù có thời hạn. Cũng một số vụ án, HĐXX phải áp dụng biện pháp tạm giam vì để ngăn chặn hành vi trốn tránh pháp luật, hoặc tiếp tục phạm tội, gây khó khăn cho công tác xét xử. Trong các trường hợp áp dụng các biện pháp ngăn chặn thì Tòa án đều có thông báo cho gia đình, người đại diện hợp pháp của họ biết ngay sau khi tạm giam.

Như vậy, qua nghiên cứu thực tế cho thấy, nhìn chung trong xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự mà bị cáo là NCTN ở tỉnh Thanh Hóa việc áp dụng, thay đổi hay hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đã chấp hành tốt các quy định của BLTTHS.

*Thứ ba*, thực tiễn chuẩn bị xét xử sơ thẩm. Khi trao đổi với lãnh đạo và các thẩm phán của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa về thực tiễn chuẩn bị xét xử sơ thẩm trong những năm vừa qua, họ đều cho rằng: đội ngũ Thẩm phán ở tỉnh

Thanh Hóa luôn thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình, đề cao tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các hành vi tố tụng. Nhiều Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa xét xử sơ thẩm mà bị cáo là NCTN luôn làm tốt công tác chuẩn bị xét xử như sau:

Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa nghiên cứu, xem xét, đánh giá tất cả các tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án để ban hành các quyết định tố tụng một cách đúng đắn, có căn cứ.

Việc triệu tập những người cần xét hỏi đến phiên tòa nhìn chung thực hiện tốt; nhưng vẫn còn những hạn chế, khó khăn. Thực tiễn xét xử tại tỉnh Thanh Hóa cho thấy đã có nhiều người được tham gia tố tụng không có mặt tại phiên tòa do không được triệu tập hoặc tuy Tòa án có triệu tập nhưng người được triệu tập không nhận được nên phiên tòa phải hoãn hoặc cũng có bản án mà Tòa đã tuyên bị kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.

Tình trạng người được triệu tập đến phiên tòa vắng mặt không có lý do dẫn đến việc phải hoãn phiên tòa xảy ra tương đối phổ biến; cho nên Thẩm phán phải dự kiến trước được các trường hợp bắt buộc phải có mặt để gần đến ngày mở phiên tòa trực tiếp liên hệ với Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của người được triệu tập qua điện thoại, có trường hợp đến tận nơi để kiểm tra xem người được triệu tập đến phiên tòa đã nhận được giấy triệu tập hay chưa; dự kiến các trường hợp vắng mặt không có lý do chính đáng thì sử dụng biện pháp áp giải...

*Thứ tư*, thực tiễn thực hiện thủ tục phiên tòa sơ thẩm. Việc thực hiện các quy định về thủ tục phiên tòa sơ thẩm VAHS mà bị cáo là NCTN ở tỉnh Thanh Hóa trong những năm gần đây đã có nhiều tiến bộ. Điều đó thể hiện ở chỗ HĐXX đã nhận thức đúng và tuân theo một trình tự quy định bao gồm thủ tục bắt đầu phiên tòa, xét hỏi tại phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa, nghị án và tuyên án nhằm bảo đảm việc xét xử của Tòa án công minh, dân chủ, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng, nhất là của bị cáo là NCTN.



Quy định và thực hiện các thủ tục trên đây là yêu cầu và điều kiện tiên quyết để thực hiện chức năng xét xử của Tòa án. Kết quả khảo sát từ năm 2011 - 2015 tại tỉnh Thanh Hóa cho thấy, số lượng các bản án hình sự sơ thẩm, quyết định tòa án về xét xử sơ thẩm VAHS mà bị cáo là NCTN đảm bảo đúng pháp luật, có tính thuyết phục cao và rất ít bị kháng cáo hoặc kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, ít có khiếu kiện về hành vi tố tụng đối với các thành viên của HĐXX và Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Ngoài ra, một số bản án quyết định sơ thẩm ở tỉnh Thanh Hóa đối với bị cáo là NCTN khi bị kháng cáo, hoặc kháng nghị thì phần lớn các bản án, quyết định nói trên không bị hủy, bị sửa.

Tuy nhiên, thực tiễn còn một số phiên tòa hiện nay trong giai đoạn xét xử sơ thẩm VAHS mà bị cáo là NCTN ở tỉnh Thanh Hóa, Thẩm phán là chủ tọa phiên tòa điều khiển phiên tòa, nhưng do tư duy cũ và thói quen của Thẩm phán từ thế hệ này qua thế hệ khác quá tập trung vào khâu phục bị cáo nên không quan tâm đến điều khiển phiên tòa, nhiều chủ tọa phiên tòa không đề cho bị cáo trình bày ý kiến về bản cáo trạng và những tình tiết vụ án mà chủ tọa phiên tòa đặt ngay các câu hỏi theo diễn biến sự việc mà nội dung cáo trạng nêu. Cũng có phiên tòa Thẩm phán là chủ tọa phiên tòa trong quá trình xét xử hỏi là chính, hết cả phần KSV và người bào chữa, có trường hợp thẩm phán còn tỏ thái độ với lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

*Thứ năm*, thực tiễn bảo đảm người bào chữa cho bị cáo trong xét xử sơ thẩm. Trong quá trình xét xử sơ thẩm VAHS mà bị cáo là NCTN, các tòa án cấp sơ thẩm ở tỉnh Thanh Hóa cũng đã tạo điều kiện cho bị cáo và người nhà của bị cáo chủ động nhờ người bào chữa cho bị cáo. Tuy nhiên, qua hỏi một số thẩm phán họ cho biết, có rất ít trường hợp bị cáo và người nhà bị cáo chủ động nhờ người bào chữa. Vì vậy, các Tòa án cũng đã chủ động yêu cầu luật sư tham gia bào chữa cho tất cả các vụ án có bị cáo là NCTN. Do đó, đa số các phiên tòa xét xử sơ thẩm VAHS mà bị cáo là NCTN đều có sự tham gia của người bào chữa, ngoại trừ có một số bị cáo do có những lý do khác nhau nên từ chối người bào chữa.

*Thứ sáu*, thực tiễn việc tham gia tố tụng của đại diện gia đình, nhà trường và các tổ chức. Trong các phiên tòa xét xử sơ thẩm VAHS mà bị cáo là NCTN trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thì đại diện gia đình của các bị cáo là NCTN đều có mặt tại phiên tòa. Nhưng về phía đại diện của nhà trường và tổ chức thì trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy, sự tham gia của lực lượng này hiện nay còn rất ít.

### **2.3. Thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội**

*Thứ nhất*, thực tiễn áp dụng hình phạt

Trong những năm qua, Tòa án nhân dân các cấp đã quán triệt tinh thần nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta đối với NCTN phạm tội, đã áp dụng các hình phạt chính như: cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, phạt tù có thời hạn. Các hình phạt được áp dụng đối với NCTN phạm tội quy định tại Điều 71 Bộ luật Hình sự. Qua tổng kết xét xử thì Tòa cấp sơ thẩm ở Thanh Hóa không áp dụng hình phạt cảnh cáo, phạt tiền (với tư cách là hình phạt chính) đối với bị cáo là NCTN.

Về việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với NCTN phạm tội đã được Tòa án các cấp áp dụng, nhưng không nhiều; từ năm 2011 - 2015 chỉ có 69 bị cáo, chiếm 16,3% bị áp dụng hình phạt này, (phụ lục 3).

Thực tiễn áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là NCTN cho thấy, Tòa án bao giờ cũng quyết định trên cơ sở xem xét nhiều khía cạnh như: nhân thân, hoàn cảnh của người phạm tội, nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo thực hiện tội phạm, ý kiến của gia đình, nhà trường, tổ chức để tìm ra một phương thức cải tạo kết hợp với giáo dục tối ưu nhất để áp dụng mức hình phạt hợp lý nhất đối với bị cáo là NCTN. Nhiều bị cáo được áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo nhằm tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục học tập, làm ăn sinh sống và chứng tỏ sự hối cải, hoàn lương của mình ngay trong môi trường xã hội bình thường dưới sự giám sát, giáo dục của cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình nơi người đó làm việc,

công tác, học tập hoặc cư trú. Tuy nhiên số bị cáo là NCTN bị áp dụng hình phạt tù vẫn còn cao.

Theo số liệu thống kê, từ năm 2011 đến năm 2015 thì hình phạt tù có thời hạn được áp dụng như sau: phạt tù cho hưởng án treo là 197 bị cáo, chiếm tỷ lệ 46,6%; phạt tù từ 3 năm trở xuống là 113 bị cáo, chiếm tỷ lệ 26,7%; phạt tù đến 7 năm là 37 bị cáo, chiếm tỷ lệ 8,7%; phạt tù đến 12 năm là 01 bị cáo, chiếm tỷ lệ 0,23%; phạt tù đến 18 năm là 02 bị cáo, chiếm tỷ lệ 0,47%, (phụ lục 3). Theo ý kiến của một số Thẩm phán thì hình phạt tù được coi là có hiệu quả, không gặp phải nhiều vướng mắc trong quá trình áp dụng. Điều này đi trái với nguyên tắc xử lý NCTN phạm tội, nguyên nhân của nó có thể do áp lực hoặc do thành kiến, nhất là chưa quan tâm đúng mức tới sự phát triển của NCTN bởi vậy mới dẫn đến áp dụng hình phạt tù là chủ yếu. Thiết nghĩ cứ phạm tội là buộc các em vào tù sẽ làm cho cuộc sống sau này của các em gặp nhiều khó khăn.

#### *Thứ hai, thực tiễn áp dụng biện pháp tư pháp*

Bên cạnh việc áp dụng các hình phạt chính ra, trong quá trình xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm ở tỉnh Thanh Hóa còn áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo Điều 70 BLHS. Việc giao bị cáo là NCTN về giáo dục tại xã, phường, thị trấn là nhằm tạo cho người phạm tội lao động, học tập tại cộng đồng và cũng như án treo việc Tòa án áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn cũng nhằm để bị cáo chứng tỏ sự hối cải của mình ngay trong môi trường xã hội bình thường dưới sự giám sát, giúp đỡ của ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, tổ chức xã hội và gia đình. Bởi *“TNHS mà hình thức chủ yếu và phổ biến nhất của nó, như đã nhấn mạnh là hình phạt, xét đến cùng cũng không phải là liều thuốc vạ nãng hoặc liều thuốc đặc trị đối với tội phạm”* [47, tr.141]. Tuy nhiên, thực tiễn trong 5 năm qua, chỉ có 04 bị cáo là NCTN được giao về giáo dục tại xã, phường, thị trấn, chiếm một tỷ lệ khá khiêm tốn 0,94% (phụ lục 3), nhưng ít nhiều biện pháp này đã phát huy tác dụng tích cực; còn biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng không được áp dụng.

## **2.4. Những hạn chế trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người chưa thành niên và nguyên nhân**

### ***2.4.1. Những hạn chế trong thực hiện quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự***

Nhìn chung, việc áp dụng pháp luật TTTHS đối với bị cáo là NCTN trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã được Tòa án thực hiện tương đối tốt. Tuy nhiên, trên thực tiễn, Tòa án gặp một số khó khăn trong việc áp dụng. Cụ thể:

*Thứ nhất*, về thành phần HĐXX đối với bị cáo là NCTN. BLTTHS quy định phải có một HTND là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên tham gia vào việc xét xử nhưng do cơ cấu HTND là giáo viên hay cán bộ Đoàn thanh niên hiện nay vẫn chưa được chú trọng cho nên số lượng còn quá ít so với những vụ án mà bị cáo là NCTN mà Tòa án phải xét xử. Nhìn chung, về mặt bằng HTND chưa được trang bị kỹ về kiến thức pháp luật, họ không nắm rõ tâm lý của lứa tuổi từ đủ 14 đến dưới 18 tuổi, họ ít có kinh nghiệm trong việc xem xét, đánh giá hành vi của các em dẫn đến chất lượng xét xử chưa cao. Có một số HTND tham gia phiên tòa cho có để đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Có một số HTND gần như không xem trước hồ sơ vụ án, suốt cả phiên tòa dường như giao phó toàn bộ cho Thẩm phán là chủ tọa phiên tòa.

*Thứ hai*, việc người bào chữa tham gia trong những vụ án mà bị cáo là NCTN là bắt buộc để bảo đảm quyền lợi cho họ. Tuy nhiên, trên thực tế, việc thực hiện quy định này vẫn còn nhiều thiếu sót. Nhiều người bào chữa được chỉ định nhưng do quá bận việc hoặc thiếu trách nhiệm nên chỉ gửi bản bào chữa cho Tòa án mà không tham dự phiên tòa, khiến cho việc xét xử gặp khó khăn vì BLTTHS quy định việc luật sư tham gia phiên tòa để bào chữa cho bị cáo là NCTN là quyền của họ (điểm b khoản 2 Điều 57 BLTTHS), trong trường hợp này nếu bị cáo là NCTN không đồng ý với việc luật sư vắng mặt thì Tòa án phải hoãn phiên tòa để đảm bảo quyền bào chữa cho bị cáo. Hoặc có trường hợp luật sư có mặt tại phiên tòa nhưng chỉ đơn thuần là thay mặt bị cáo là NCTN xin giảm nhẹ mức án chứ chưa thực sự bảo vệ cho họ.

*Thứ ba*, về phía đại diện, việc tham gia của đại diện gia đình, nhà trường và các tổ chức xã hội cũng chưa được chú trọng đúng mức. Họ tham dự phiên tòa chủ yếu là để xem Tòa án xét xử và nghe Tòa tuyên án, chưa phát huy được vai trò phối hợp với Tòa án trong việc giáo dục, cải tạo NCTN phạm tội, chỉ những trường hợp cần giải quyết việc bồi thường thiệt hại vật chất cho người bị hại do NCTN phạm tội gây ra thì Tòa án mới có sự phối hợp với đại diện gia đình họ. Mặt khác, nhưng trong thực tiễn, có trường hợp bị cáo là NCTN, nhưng mồ côi cha mẹ (bố mẹ mới mất vì tai nạn, bệnh tật), không có họ hàng; bị cáo vẫn được đi học và sống nhờ vào tài sản thừa kế mà bố mẹ để lại. Về phía đại diện nhà trường và tổ chức thường ít có mặt tại phiên tòa xét xử NCTN phạm tội, vấn đề này có nhiều nguyên nhân, có trường hợp Tòa án không chú trọng đến việc triệu tập họ đến tham gia phiên tòa nhưng cũng có trường hợp nhận được giấy mời của Tòa án nhưng các cơ quan này lại không quan tâm phối hợp với Tòa án trên cơ sở pháp luật. Khoản 3 Điều 306 BLTTHS quy định: "*Tại phiên tòa xét xử bị cáo là người chưa thành niên phải có mặt đại diện gia đình bị cáo..., đại diện nhà trường, tổ chức*". Vậy Tòa án có thể tiến hành xét xử được hay không và việc xét xử có phải là vi phạm tố tụng. Đối với trường hợp bị cáo mồ côi bố, mẹ và không có họ hàng, việc vắng mặt gia đình bị cáo tại phiên tòa cũng không thuộc trường hợp "gia đình cố ý vắng mặt mà không có lý do chính đáng", đây là trường hợp mà luật tố tụng chưa điều chỉnh đến. Trên thực tế nghiên cứu các bản án tại Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thì gần như rất ít có sự tham gia của đại diện nhà trường và tổ chức xã hội. Đây là vi phạm về thủ tục tố tụng; tuy nhiên, trên thực tế chưa có bản án nào bị Tòa án cấp trên hủy án do vi phạm này nhưng đây là vấn đề cần rút kinh nghiệm, ngành Tòa án cần quan tâm tổ chức các hội nghị hướng dẫn cho Tòa án nhân dân các địa phương thực hiện đúng quy định của pháp luật TTHS trong xét xử vụ án có bị cáo là NCTN để việc xét xử đảm bảo khách quan và đúng pháp luật.

Các quy định về thủ tục xét xử đối với các vụ án có bị cáo là NCTN đã nêu ở phần trên về cơ bản được Tòa án thực hiện tương đối đầy đủ. Tuy nhiên, khi thực hiện do nhiều nguyên nhân khác nhau, người tiến hành tố tụng vẫn có sai lầm như: thiếu sự tham gia của người đại diện hợp pháp cho bị cáo, không quyết định áp dụng biện pháp giám sát, không quyết định để đại diện gia đình, nhà trường, tổ chức xã hội tham gia, thành phần HTND không đúng quy định... Trong tình hình hiện nay, khi triển khai thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02 tháng 01 năm 2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020, trong đó có việc nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa hình sự, đòi hỏi công tác xét xử nói chung và công tác xét xử án hình sự nói riêng càng phải tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật.

*Thứ tư*, việc tổ chức phiên tòa xét xử. Theo khoản 3 Điều 103 Hiến pháp 2013 cũng như khoản 1 Điều 307 BLTTHS 2003 quy định: Trong trường hợp cần thiết, Tòa án có thể quyết định xét xử kín. Với quy định này nhằm bảo vệ NCTN tránh cho họ cảm thấy mặc cảm, tự ty về bản thân mình. Tuy nhiên, trong thời gian qua các tòa án trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã xét xử hình sự sơ thẩm đối với bị cáo là NCTN không những không thực hiện xét xử kín nhằm bảo vệ NCTN mà còn đưa đi xét xử lưu động. Ví dụ: Ngày 03/4/2015, tại huyện Hà Trung, TAND tỉnh Thanh Hóa đã mở phiên tòa xét xử lưu động VAHS đối với bị cáo Vũ Anh T, sinh năm 2000 ở thôn 3, xã Hà Thái (Hà Trung) về tội Giết người và Cướp tài sản. Hoặc vụ án khác là ngày 22/9/2015, tại trụ sở UBND xã Nguyệt Án, huyện Ngọc Lặc, TAND tỉnh Thanh Hóa đã mở phiên tòa xét xử lưu động đối với bị cáo Ngô Minh Đ, sinh năm 1998, ở thôn Minh Thạch, xã Nguyệt Án về tội “Giết người” và “Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản”... Mặc dù, việc xét xử lưu động là một biện pháp tốt có tác dụng tuyên truyền, có ý nghĩa giáo dục pháp luật sâu sắc. Tuy nhiên, nếu đưa NCTN xét xử lưu động trước đông người tham dự thì về mặt tâm lý sẽ để lại một dấu ấn tiêu cực khó xóa, gây

nên những hệ quả lâu dài cho bị cáo. Chính vì vậy, trong quá trình tổ chức phiên tòa xét xử NCTN cần hạn chế và tiến tới không tổ chức phiên tòa lưu động.

#### ***2.4.2. Những hạn chế trong áp dụng Bộ luật Hình sự***

*Thứ nhất, về xác định tội danh và áp dụng điều khoản BLHS.* Do đánh giá không toàn diện, đầy đủ, khách quan về các chứng cứ, các tình tiết buộc tội, gỡ tội; tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ TNHS của bị cáo; không điều tra làm rõ những mâu thuẫn trong lời khai của bị cáo, đương sự, người làm chứng, kết luận giám định... nên trong một số vụ án HĐXX đã xác định không đúng bản chất pháp lý, sự thật khách quan của vụ án dẫn đến việc xác định tội danh không đúng và áp dụng không chính xác điều khoản của BLHS. Một số trường hợp do nhầm lẫn về đối tượng bị xâm hại nên HĐXX đã xác định không chính xác tội danh đối với hành vi phạm tội của bị cáo hoặc không đánh giá đúng ý thức chủ quan - lỗi của bị cáo (trường hợp "cố ý gây thương tích" dẫn đến chết người - khoản 3 Điều 104 BLHS lại xác định là "giết người" theo khoản 2 Điều 93 BLHS); việc áp dụng một số tình tiết định tội ("do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng"; "trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh",...). Ví dụ: Trong lúc đang chơi game ở quán internet nhà ông Lê Hữu Thê, bị cáo Nguyễn Thanh H (16 tuổi, 9 tháng, 21 ngày) nghe mọi người báo tin mẹ của mình đang bị một phụ nữ tên là Trịnh Thị S đánh ghen ở cây xăng thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa. Thấy vậy, bị cáo H chạy đến và túm tóc người phụ nữ đấm cho 2 phát vào vùng mặt, cổ và đá một cái vào chân chị S làm chị S phải vào viện cấp cứu, hai ngày sau chị S chết. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 107/2013/HS-ST ngày 18/12/2013, TAND tỉnh Thanh Hóa xét xử bị cáo Nguyễn Thanh H về tội "Giết người" theo khoản 2 Điều 93 BLHS. Theo quan điểm của tác giả, việc TAND tỉnh Thanh Hóa cho rằng, bị cáo H phạm tội giết người theo khoản 2 Điều 93 BLHS là không đủ căn cứ. Bởi lẽ, theo quy định về tội giết người thì hành vi của bị cáo phải là nguyên nhân dẫn đến cái chết của người bị hại, nói cách khác giữa hành vi và hậu quả phải có mối quan hệ nhân quả. Kết luận giám định pháp y

trong vụ án trên là chứng cứ quan trọng để xác định nguyên nhân chết. Nếu kết luận giám định pháp y không thể hiện nguyên nhân chết là do hành vi của bị cáo trực tiếp gây ra mà là do không cấp cứu kịp thời hoặc do nguyên nhân khách quan khác thì không đủ căn cứ để xác định bị cáo có hành vi giết người. Theo thông tin, chứng cứ của vụ án thì hành vi của bị cáo chỉ là hành vi cố ý gây thương tích, mục đích của bị cáo cũng chỉ là mục đích gây thương tích, sau khi gây thương tích cho nạn nhân, bị cáo còn tích cực cùng người dân đưa chị S vào Trung tâm Y tế huyện Hoàng Hóa gần đây cấp cứu... vì vậy không đủ căn cứ để chứng minh về mặt chủ quan của tội giết người: Bị cáo không nhận thức được hành vi của mình có thể dẫn đến chết người; bị cáo cũng không thực hiện hành vi đánh người khác bỏ mặc hậu quả chết người có thể xảy ra nên chưa đủ căn cứ để xác định lỗi cố ý của bị cáo trong việc tước đoạt tính mạng của chị S. Trong vụ án này, chị S chết là nằm ngoài nhận thức chủ quan của bị cáo, xuất phát từ nguyên nhân thương tích do bị cáo gây ra... vì vậy việc xử lý bị cáo về tội cố ý gây thương tích ở khoản 4, Điều 104 BLHS (dẫn đến hậu quả chết người) thì có căn cứ hơn.

*Thứ hai, về áp dụng các tình tiết định khung tăng nặng, giảm nhẹ TNHS.* Trong một số trường hợp HĐXX đã áp dụng không đúng hoặc bỏ sót tình tiết định khung tăng nặng, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS. Có trường hợp HĐXX còn lúng túng, nhầm lẫn trong việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều 46 BLHS; cùng một tình tiết giảm nhẹ nhưng lại áp dụng cả khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS. Ví dụ. Về tình tiết tăng nặng TNHS, ngày 06/3/2012 bị cáo Mai Văn N (17 năm 6 tháng 3 ngày) cùng với Lê Văn T (16 năm, 3 tháng 18 ngày) dùng xe máy, dao và gậy để thực hiện việc chặn xe máy để cướp tài sản. Riêng đối với Mai Văn N trước đó đã bị Tòa án xử phạt 6 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS. Tính đến thời điểm phạm tội lần này, Mai Văn N đã chấp hành xong bản án được 7 tháng 14 ngày. Tại bản án hình sự sơ thẩm số



24/2012/HS-ST ngày 15/11/2012 của TAND thị xã Bim Sơn đã xét xử các bị cáo về tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 133 BLHS và áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “*tái phạm*” đối với Mai Văn N tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS. Xét thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xét xử các bị cáo theo điểm a khoản 2 Điều 133 BLHS mà không xét xử theo điểm d khoản 2 Điều 133 là bỏ sót tình tiết định khung hình phạt “*Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác*” đồng thời việc áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo N là không chính xác vì bị cáo N đã được xóa án tích nên không thuộc trường hợp tái phạm. Vì bị cáo N là NCTN nên thời hạn để xóa án tích bằng 1/2 thời hạn quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 64 BLHS.

*Thứ ba, việc áp dụng hình phạt.* Hình phạt được áp dụng với bị cáo là NCTN bao gồm: cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ và phạt tù có thời hạn. Ngoài ra, trong trường hợp xét thấy không cần thiết thì Tòa án áp dụng biện pháp tư pháp đối với bị cáo là NCTN như biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và đưa vào trường giáo dưỡng. Tuy nhiên, trong thực tế hầu hết các hình phạt không phải tù và biện pháp tư pháp ít được các tòa án quan tâm chú trọng và áp dụng mà hầu hết là áp dụng hình phạt tù có thời hạn. Do “*theo quy định hiện nay, điều kiện áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội đã dẫn đến tình trạng họ có nhiều khả năng bị áp dụng hình phạt tước tự do mà ít có khả năng được áp dụng các hình phạt không mang tính giam giữ như hình phạt cảnh cáo, phạt tiền hay hình phạt cải tạo không giam giữ*”. [3, tr.14]. Có nhiều lý do khác nhau cho việc các tòa án áp dụng hình phạt tù có thời hạn như do quy định của các điều luật, của truyền thống áp dụng, của sự an toàn cho Thẩm phán hay chưa có một cơ chế phối hợp giữa Tòa án với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú...Nhưng có một logic đương nhiên là không biết họ đi tù vì lý do gì, lứa tuổi nào nhưng sau khi ra tù thì việc tìm kiếm việc làm là rất khó khăn do vẫn còn những định kiến nhất định của xã hội đối với họ, nhiều trường hợp tái phạm, thậm chí tái phạm

nguy hiểm. Do đó để tạo điều kiện cho bị cáo là NCTN thì các Tòa án nên khuyến khích áp dụng các biện pháp tư pháp, áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo để khuyến khích, tạo điều kiện cho họ tái hòa nhập cộng đồng, trở thành công dân có ích cho gia đình và cho xã hội.

Việc xác định mức hình phạt cũng như vấn đề xem xét đối chiếu với nhân thân bị cáo cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để cho bị cáo được hưởng án treo hay không trong một số trường hợp còn thiếu chính xác qua đó cũng cho thấy HĐXX sơ thẩm chưa đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra cho xã hội nên còn nhiều trường hợp HĐXX tuyên mức án phạt còn cao, áp dụng hình phạt mang tính trừng trị, răn đe nhiều hơn tạo điều kiện cho NCTN phạm tội được giáo dục, tự cải tạo trong môi trường xã hội.

#### ***2.4.3. Nguyên nhân của những hạn chế trong xét xử vụ án mà bị cáo là người chưa thành niên***

Sở dĩ có những tồn tại, hạn chế trong hoạt động giải quyết án hình sự do NCTN phạm tội của TAND cấp huyện ở tỉnh Thanh Hóa trong thời gian qua là do một số nguyên nhân sau:

##### *Thứ nhất, nguyên nhân về pháp luật*

- Hệ thống văn bản pháp luật nước ta tuy nhiều nhưng thiếu tính đồng bộ, không mang tính ổn định, tính dự báo xã hội còn thấp chưa theo kịp sự phát triển kinh tế - xã hội. Có một số văn bản pháp luật còn chồng chéo, mâu thuẫn nhau, chưa mang tính pháp điển hóa cao. Các văn bản QPPL chưa mang tính thực tiễn và cụ thể, còn nặng vào việc chờ hướng dẫn của các cơ quan, ban ngành trung ương trong việc thực hiện pháp luật. Mặt khác, việc giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật của cơ quan có thẩm quyền cũng chưa đầy đủ, kịp thời. Những khiếm khuyết này đã được chỉ ra: "*Pháp luật trong lĩnh vực tư pháp chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ và còn nhiều sơ hở. Công tác xây dựng, giải thích, hướng dẫn và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, trong đó có pháp luật về lĩnh*

*vực tư pháp còn nhiều bất cập và hạn chế" [8].*

- BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) qua thực tiễn cho thấy còn nhiều hành vi vi phạm pháp luật chưa được pháp luật điều chỉnh kịp thời, nhất là trong việc điều chỉnh các hành vi vi phạm pháp luật của NCTN phạm tội. Các quy định về NCTN phạm tội tuy đã nhân đạo, nhưng vẫn còn mang nặng tính trừng trị, răn đe, chưa thể hiện được tinh thần “lợi ích tốt nhất cho trẻ em”.

- Những quy định của pháp luật tố tụng hiện hành đang ở trạng thái tạo ra sự chủ quan cho chủ thể đi tìm sự thật của vụ án hình sự. Mặc dù pháp luật có xác định phải xử lý công minh, không làm oan sai người vô tội, nhưng đứng ở vị thế độc quyền chân lý, sự chủ quan là không thể tránh khỏi. Các văn bản quy định về cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành với hệ thống Tòa án còn thiếu, chưa có và nếu có cũng còn nhiều bất cập chưa phù hợp và đồng bộ. Vì vậy, nhiều cơ quan tổ chức chưa có sự phối hợp với Tòa án, nhất là trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, giám định, ủy thác tư pháp... làm cho thời gian xét xử vụ án kéo dài.

- Công tác tổng kết thực tiễn xét xử và hướng dẫn ADPL thống nhất của TAND tối cao trong một số trường hợp còn chậm, nên chưa kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong thực tiễn xét xử các VAHS nói chung và xét xử các VAHS do NCTN phạm tội nói riêng.

#### *Thứ hai, nguyên nhân về nhận thức*

- Nhận thức của một số Thẩm phán, Hội thẩm chưa theo kịp xu thế thời đại, chính sách của Đảng và Nhà nước ta. Chưa nhận thức được chính sách pháp luật hình sự, chính sách pháp luật tố tụng hình sự đối với trẻ em. Nhiều Thẩm phán vẫn cho rằng, phạt tù là hình phạt hiệu quả nhất đối với NCTN phạm tội; thủ tục xét xử đối với bị can, bị cáo là NCTN không khác nhiều so với đối với người đã thành niên...

- Nhận thức của một số người tiến hành tố tụng chưa thống nhất, dẫn đến ADPL không sát với thực tế. Do xuất phát từ tâm lý chủ quan vô ý hoặc thậm chí cố ý vì coi bị cáo là NCTN là trẻ con, chưa biết gì, thấp cổ bé họng nên khả

năng bỏ quên, vô trách nhiệm, làm ẩu trong quá trình giải quyết vụ án là rất cao. QHPL trong những trường hợp này rất dễ bị biến dạng bởi một bên có nguy cơ cao vi phạm quyền và lợi ích của phía bên kia, còn phía bên kia lại không biết và không có đủ khả năng và điều kiện tranh tụng để bảo vệ mình.

- Cùng với sự phát triển về kinh tế - xã hội thì mặt trái của nền kinh tế thị trường có tác động không nhỏ tới một bộ phận những người có thẩm quyền ADPL trong hoạt động xét xử nói chung và xét xử các VAHS do NCTN phạm tội của Tòa án cấp sơ thẩm nói riêng. Chế độ lương, phụ cấp chức vụ, chế độ đãi ngộ chưa tương xứng với yêu cầu nên rất dễ bị cám dỗ bởi những lợi ích vật chất, phi vật chất, đôi khi ngại va chạm đối với những người có chức vụ, quyền hạn, những người thân quen của họ nên đã ảnh hưởng không ít đến chất lượng xét xử. Vì thế, việc ADPL để giải quyết án hình sự trong trường hợp này sẽ không còn công tâm, chính xác được nữa.

#### *Thứ ba, nguyên nhân về con người*

- Mặc dù, trong thời gian gần đây quy trình bổ nhiệm Thẩm phán và sự lựa chọn xem xét của Hội đồng nhân dân ở địa phương để bầu HTND tham gia công tác xét xử của Tòa án đã có nhiều cải thiện và tuân theo những quy định chặt chẽ nên năng lực, chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ Thẩm phán, HTND đã có những cải thiện rõ rệt; nhưng trong thực tiễn của công tác xét xử các VAHS do NCTN phạm tội thì năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ xét xử của Thẩm phán, HTND và kể cả Thư ký cũng còn bộc lộ nhiều hạn chế, chưa đáp ứng tốt được yêu cầu đặt ra của công tác xét xử. Trong quá trình xét xử chưa nghiên cứu đánh giá kỹ lưỡng hồ sơ vụ án và các tài liệu chứng cứ có liên quan đến vụ án một cách khách quan, thận trọng, có ý nghĩa cho công tác xét xử mà còn phụ thuộc quá nhiều vào kết luận của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát dẫn đến việc quyết định và tuyên một số bản án chưa thực sự chính xác, chưa khách quan, chưa toàn diện, chưa kịp thời và chưa đầy đủ. Kiến thức pháp luật của một số HTND chưa đáp được yêu cầu. Mặc dù đã được TAND tỉnh tổ chức nhiều

buổi hội thảo, tập huấn kiến thức pháp luật, kỹ năng xét xử, tuy nhiên các HTND phần lớn là do kiêm nhiệm, ít có thời gian để nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, kỹ năng xét xử vì thế việc ADPL trong hoạt động xét xử đôi khi còn máy móc, thiếu khoa học, chưa thực sự chuẩn xác... đó chính là những nguyên nhân dẫn đến các hạn chế, thiếu sót trong việc định tội danh, quyết định hình phạt, áp dụng các QPPL về trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với các bị cáo là NCTN và là những nguyên nhân chính, trực tiếp tạo ra những hạn chế nêu trên trong hoạt động xét xử các VAHS do NCTN phạm tội của các TAND ở tỉnh Thanh Hóa.

- Có một số Thẩm phán chủ quan khi cho rằng mình có chuyên môn tốt, có kinh nghiệm công tác lâu năm, nên trong quá trình xét xử chủ yếu vận dụng từ kinh nghiệm công tác, chậm đổi mới, không nắm bắt kịp thời các quy định mới của pháp luật hiện hành nên dẫn đến việc áp dụng các QPPL không chính xác, không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án NCTN phạm tội. Kỹ năng xét hỏi, kỹ năng điều khiển phiên tòa chủ yếu dựa vào kinh nghiệm và những tài liệu, chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án mà coi nhẹ các tình tiết của vụ án được thu thập trong phần tranh luận công khai tại phiên tòa. Coi trọng việc xét hỏi, coi nhẹ tranh luận công khai tại phiên tòa; chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của hoạt động xét xử các VAHS do NCTN phạm tội phải tuân theo thủ tục chung và phần thủ tục riêng nên đã vi phạm hoạt động tố tụng dẫn đến việc vi phạm tố tụng xét xử.

- Kỹ năng tổ chức, điều khiển phiên tòa hình sự nói chung và phiên tòa xét xử các VAHS do NCTN phạm tội nói riêng của một số Thẩm phán là chủ tọa phiên tòa đôi khi còn hạn chế, chưa có kế hoạch cụ thể, chưa bao quát và dự liệu hết các vấn đề phát sinh tại phiên tòa. Vì thế, đã có nhiều vụ án phải tạm hoãn làm ảnh hưởng đến tính kịp thời, công minh, khách quan, công khai của phiên tòa.

## **Kết luận chương 2**

Từ thực tiễn xét xử sơ thẩm VAHS mà bị cáo là NCTN tại tỉnh Thanh Hóa, tác giả đã đi sâu phân tích, đánh giá những vấn đề cơ bản:

Đã đi sâu phân tích, đánh giá về tình hình, cơ cấu thực trạng tội phạm hình sự do NCTN phạm tội tại địa bàn tỉnh Thanh Hóa từ năm 2011 đến năm 2015 về nhóm tội phạm, lứa tuổi của tội phạm; phân tích thực tiễn tuân thủ thủ tục tố tụng hình sự trong xét xử các VAHS cũng như thực tiễn áp dụng các quy định của BLHS đối với NCTN, trên cơ sở kết quả đạt được từ thực tiễn, chỉ ra những hạn chế, nguyên nhân của hạn chế trong việc áp dụng các quy phạm pháp luật trong hoạt động xét xử VAHS mà bị cáo là NCTN.

Kết quả nghiên cứu trên là kết quả chính thống của quá trình đấu tranh tội phạm do NCTN gây ra từ năm 2011 đến năm 2015 của tỉnh Thanh Hóa, là cơ sở thực tiễn và khoa học cho việc đưa ra những nhu cầu và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng xét xử sơ thẩm VAHS mà bị cáo là NCTN trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa trong thời gian tới.

### Chương 3

## GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ MÀ BỊ CÁO LÀ NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN

### 3.1. Nhu cầu nâng cao chất lượng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người chưa thành niên

#### 3.1.1. Quán triệt quan điểm của Đảng về chính sách xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội

Con người là vị trí trung tâm của sự phát triển và Việt Nam luôn đặt chiến lược phát triển con người trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Việt Nam là nước đầu tiên của châu Á và là nước thứ hai trên thế giới tham gia Công ước về Quyền trẻ em, nhiều văn bản quy phạm pháp luật trong nước được ban hành quy định về các vấn đề liên quan đến trẻ em như vấn đề nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, lao động... Chính vì vậy, pháp luật Việt Nam có chính sách giành riêng đối với những NCTN phạm tội đặc biệt trong BLHS.

Xuất phát từ vấn đề bảo vệ quyền con người, quyền của trẻ em, từ đặc điểm tâm sinh lý của NCTN, trên cơ sở niềm tin vào khả năng cải tạo, giáo dục NCTN phạm tội, nên chính sách nhân đạo của Đảng, Nhà nước luôn mong muốn giúp họ tích cực cải tạo, sửa chữa sai lầm để trở thành người có ích cho xã hội. Chính sách đó được thể hiện rõ nét và tập trung nhất tại Điều 69 BLHS năm 1999 và được sửa đổi, bổ sung hoàn thiện tại Điều 91 BLHS năm 2015, trong mọi trường hợp điều tra, truy tố, xét xử hành vi phạm tội của NCTN, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải xác định khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm. Đây là nguyên tắc mang tính chỉ đạo, thể hiện chính sách hình sự nhất quán của Đảng và Nhà nước ta trong quá trình xử lý NCTN phạm tội.

TAND các cấp, nhất là “*những người tiến hành tố tụng phải nhận thức được và thấy rằng, NCTN vừa là tội phạm vừa là nạn nhân của hành vi phạm tội*”

đó” [61, tr.55], cần nhận thức, quán triệt và xác định NCTN phạm tội là một chủ thể, một đối tượng đặc biệt trong xét xử. Chính vì vậy, trong hoạt động xét xử NCTN phạm tội ngoài việc phải tuân thủ các nguyên tắc chung trong hoạt động tố tụng thì cần phải chú trọng đầy đủ, chính xác các nguyên tắc riêng trong hoạt động xét xử các đối tượng này. Trong hoạt động xét xử NCTN phạm tội phải bảo đảm sự nhất quán theo nguyên tắc, đường lối nhân đạo, khoan hồng, nhằm mục đích giáo dục cảm hóa, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh để họ trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội trong chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta.

### ***3.1.2. Bảo đảm lợi ích tốt nhất cho bị cáo là người chưa thành niên***

Theo quy định tại Điều 3 Công ước Quyền trẻ em: *“trong mọi hành động đối với trẻ em, dù là cơ quan phúc lợi xã hội của nhà nước hay của tư nhân, tòa án, nhà chức trách hành chính hay cơ quan lập pháp, lợi ích tốt nhất của trẻ em phải là mối quan tâm hàng đầu.”* [24]. Ở nước ta, việc quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ thể hệ trẻ nói chung, NCTN nói riêng là nhiệm vụ chính trị đặc biệt quan trọng trong nhiều chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, *“Nhà nước đặc biệt quan tâm đến đối tượng trẻ em, vì các em là tương lai của mỗi gia đình và của cả dân tộc”* [64, tr.486]. Nguyên tắc bảo đảm lợi ích tốt nhất của NCTN không có nghĩa là coi nhẹ lợi ích của Nhà nước, của xã hội, lợi ích hợp pháp của các chủ thể khác mà nội dung của nguyên tắc này là đòi hỏi các cơ quan, tổ chức, cá nhân, khi tiến hành một hoạt động liên quan đến trẻ em cần bảo đảm rằng, quyết định đó là tốt nhất cho trẻ em trong mối quan hệ hài hòa với các lợi ích khác, cũng như bảo đảm sự nghiêm minh của pháp luật. Hiện nay, nguyên tắc này cũng đã được quy định tại Điều 91 BLTTHS năm 2015: *“Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội”*. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 49/NQ-TW của Bộ Chính trị và Hiến pháp năm 2013, đề cao



tính chất phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội; tôn trọng và bảo đảm thực thi các quyền con người, quyền cơ bản của công dân theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013.

Muốn bảo vệ quyền và lợi ích tốt nhất cho bị cáo là NCTN, xét xử được kịp thời, chính xác, khách quan, toàn diện và đầy đủ thì cần phải nhanh chóng hoàn thiện hệ thống pháp luật có gắn với chủ thể của hoạt động xét xử là bị cáo NCTN, xây dựng các dự luật một cách cụ thể, chi tiết, phù hợp với điều kiện thực tiễn trong nước, xu hướng phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp với độ tuổi của NCTN. Chỉ có hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, mới là cơ sở pháp lý hữu hiệu nhất để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của NCTN. Trong thời gian qua, các QPPL nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của NCTN đã được ghi nhận và điều chỉnh trong nhiều văn kiện pháp lý quan trọng như: Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 (hiện nay là Luật Trẻ em năm 2016); Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Bộ luật Lao động năm 2012, Bộ luật Dân sự năm 2005 và năm 2015; BLHS năm 2015; BLTTHS năm 2015... Đây chính là những văn kiện pháp lý đặc biệt quan trọng và cần thiết nhằm mục đích bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của NCTN nói chung và cáo là NCTN nói riêng một cách có hiệu quả, kịp thời, đầy đủ phù hợp với các quy định của pháp luật.

### ***3.1.3. Bảo đảm phù hợp với các đặc điểm người chưa thành niên phạm tội***

Để nâng cao chất lượng xét xử sơ thẩm VAHS mà bị cáo là NCTN thì việc điều tra, truy tố, xét xử phải được đảm bảo phù hợp với đặc điểm của NCTN phạm tội. Xuất phát từ NCTN do chưa phát triển hoàn thiện về mặt thể chất và nhân cách nên trong phạm vi xã hội hay pháp lý cũng cần có một thái độ rộng lượng và bao dung đối với họ và đường lối xử lý đối với họ nhằm tạo cơ hội cho họ sửa sai và phát triển lành mạnh. Đây là một vấn đề không chỉ đơn thuần là mang tính chất pháp lý mà cả tính xã hội, tính nhân văn trong đường lối xử lý NCTN phạm tội. Vì “*hành vi phạm tội của NCTN phần lớn là nằm ngoài ý muốn chủ quan của họ*” [61, tr.54]. Do đó, các cơ quan tố tụng,

người tiến hành tố tụng, mà trung tâm nhất của hoạt động tố tụng là xét xử sơ thẩm những vụ án mà bị cáo là NCTN phải tạo ra được môi trường thân thiện, thoải mái để bị cáo là NCTN có thể khai đúng sự thật và được trình bày các quan điểm của mình một cách bình đẳng, từ đó giúp cho Tòa án xét xử được đúng đắn, khách quan, toàn diện vụ án, đưa ra các quyết định đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Nhưng thực hiện được đường lối xử lý đúng đắn, phù hợp với đặc điểm của NCTN phạm tội thì vấn đề đặt ra là phải có các quy định pháp luật phù hợp và đội ngũ cán bộ làm công tác chuyên trách xử lý NCTN phạm tội. Do vậy, cần sớm triển khai xây dựng Tòa án chuyên biệt đối với NCTN theo hướng có thẩm quyền giải quyết tất cả những vụ việc liên quan đến NCTN, đây là đòi hỏi nỗ lực rất lớn từ phía các cơ quan tư pháp, trong đó có hệ thống Tòa án cũng như đội ngũ cán bộ Thẩm phán, HTND, Thư ký Tòa án, vì những quy định về thủ tục tiến hành tố tụng đối với NCTN mang tính đặc thù, nhất là trong lĩnh vực TTHS.

### **3.2. Một số giải pháp nâng cao chất lượng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người chưa thành niên**

#### ***3.2.1. Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện pháp luật hình sự và tố tụng hình sự về người chưa thành niên phạm tội; tổng kết thực tiễn và hướng dẫn áp dụng pháp luật***

##### *3.2.1.1. Hoàn thiện pháp luật hình sự*

Nhìn chung, các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về người dưới 18 tuổi phạm tội trong BLHS năm 2015 là phù hợp, tiếp tục thể hiện tư tưởng nhân đạo, khoan hồng trong chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta, từng bước hội nhập với pháp luật quốc tế về tư pháp hình sự. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm người dưới 18 tuổi, thì cần phải tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện BLHS như sau:

*Thứ nhất*, về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Các quy định của pháp luật hình sự về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi

phạm tội phải triệt để tôn trọng nguyên tắc: Chỉ xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong trường hợp thật sự cần thiết; tránh việc áp dụng các chế tài hạn chế các quyền tự do của NCTN, phải “*tăng cường áp dụng các biện pháp tư pháp không phải hình phạt, tăng khả năng miễn TNHS; coi trọng hình phạt không phải tù...*” [17, tr.122]; mục đích của việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội và coi đây là nguyên tắc xuyên suốt, cần phải tuân thủ cho dù áp dụng biện pháp xử lý nào đối với người dưới 18 tuổi. Nguyên tắc xử lý đối với họ phải dựa trên quan điểm: Xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội là một vấn đề mang tính chất xã hội, không chỉ đơn thuần là về mặt pháp lý. Mặc dù, Điều 91 của BLHS năm 2015 đã ghi nhận đầy đủ hơn một số nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đã được quy định tại Công ước Quyền trẻ em và các chuẩn mực quốc tế khác có liên quan vừa bảo đảm tăng cường hiệu quả giáo dục, phục hồi đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, vừa thể hiện quan điểm của Đảng và Nhà nước ta trong việc thực hiện các cam kết quốc tế bảo vệ, giáo dục trẻ em nói chung và người dưới 18 tuổi phạm tội nói riêng, là một nỗ lực nữa trong việc làm hài hòa giữa hệ thống pháp luật quốc gia với Công ước Quyền trẻ em. Tuy nhiên, Điều 91 BLHS về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội có một số vấn đề cần phải hoàn thiện thêm. Vì xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội không thuần túy là vấn đề pháp lý mà còn là vấn đề xã hội, nhân văn nên trong các nguyên tắc về xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải có quy định cụ thể về vấn đề này. Thực tiễn cho thấy, xã hội có vai trò rất lớn trong việc hình thành tội phạm, nhưng những tội phạm này nếu được xã hội, cụ thể là gia đình, nhà trường và các tổ chức chính trị xã hội quan tâm, giáo dục, cảm hóa, giúp họ sửa chữa sai lầm, khắc phục khuyết điểm thì cơ hội cho họ hoàn lương, hòa nhập cộng đồng cũng rất tốt, đôi khi còn tốt hơn các chế tài giáo dục, cảm hóa tại các nhà tù, trại tạm giam, trại giáo dưỡng. Chính vì điều đó, sự cần thiết phải bổ sung hoàn thiện Điều 91 BLHS gắn với việc quy

định trách nhiệm, nghĩa vụ, sự phối kết hợp của gia đình, nhà trường, các tổ chức chính trị xã hội trong việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội là điều cần thiết, nhất là quy định trách nhiệm phối hợp cùng với Tòa án sau khi các chế tài và quyết định hình phạt đã được ban hành. Các hình phạt này chủ yếu là không bị tách ly ra khỏi xã hội như phạt cảnh cáo, phạt tiền, phạt tù cho hưởng án treo, cải tạo không giam giữ thì vai trò trong quản lý, giáo dục, giúp đỡ của các cơ quan, tổ chức chính trị xã hội, gia đình lại càng quan trọng hơn bao giờ hết.

*Thứ hai*, chính sách áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi là Tòa án cho người dưới 18 tuổi phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội tương ứng. Theo Điều 101 BLHS năm 2015 thì mức phạt tù có thời hạn áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định: *“Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 18 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định; Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 12 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định”*. Có thể nói rằng, mức hình phạt trên là tương đối nghiêm khắc, hình phạt tù là một chế tài tước quyền tự do đối với con người cho nên người dưới 18 tuổi còn ít tuổi đời, đang trong quá trình hoàn thiện nhân cách, nếu bị "ném" vào môi trường tù tội thời gian dài quá có thể làm mất đi giá trị của con người, những bản tính tốt đẹp vốn có của con người sẽ không được phát huy thay vì sự trỗi dậy của những bản tính xấu. Cho nên *“Luật pháp cũng cần phải có yếu tố tình người nếu không nó chỉ là cỗ máy vô cảm hơn không kém và hoàn toàn không có tác dụng làm cho xã hội tốt đẹp hơn và yên bình hơn”* [47, tr.32], hơn thế nữa *“hình phạt, xét đến cùng cũng không phải hình thức vạ nặng*

*hoặc liệu thuốc đặc trị đối với tội phạm”* và cũng không phải ngẫu nhiên mà nhà triết học cổ đại Hy Lạp, Đêmocrit đã cho rằng: *“Việc giáo dục con người bằng sự thuyết phục và bằng những lý lẽ của lý trí tỏ ra có hiệu quả hơn so với áp dụng pháp luật và sự cưỡng bức đối với họ”*[47, tr.40]. Chính vì vậy, luật cần ấn định một mức tối đa không quá cao của hình phạt tù có thời hạn được áp dụng đối với bị cáo là NCTN. Có thể điều chỉnh lại mức hình phạt tối đa áp dụng đối với người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi là 15 năm tù; đối với người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi là 10 năm tù. Đồng thời quy định nguyên tắc nếu áp dụng hình phạt tù đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thì Toà án phải nêu rõ lý do trong bản án để hạn chế việc áp dụng hình phạt tù đang khá phổ biến ở nước ta.

*Thứ ba*, là các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp được miễn TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, BLHS năm 2015 không quy định trách nhiệm của gia đình trong việc thực hiện biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Chính điều này làm giảm hiệu quả áp dụng biện pháp giám sát, giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Trên thực tiễn, sẽ có những gia đình không phối hợp với chính quyền địa phương trong việc thực hiện biện pháp này. Do đó, luật chứ không phải nghị định phải quy định cụ thể về trách nhiệm của gia đình trong việc phối hợp cùng với các cơ quan nhà nước thực hiện biện pháp giám sát, giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đồng thời quy định chế tài áp dụng nếu gia đình không thực hiện trách nhiệm của mình.

*Thứ tư*, cần khắc phục một số sai sót của BLHS 2015 liên quan đến người dưới 18 tuổi phạm tội. Cụ thể là:

- Huỷ bỏ việc liệt kê Điều 285 về tội sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật. Vì đây là tội nghiêm trọng tại điểm đ khoản 2 Điều 12; bởi vì, theo quy định của khoản 2 Điều 12 thì ngoài một số tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm người khác, người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 93 theo hướng người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng hoặc là người đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án thì được áp dụng biện pháp khiển trách.

- Sửa khoản 1 Điều 100 theo hướng bổ sung quy định hình phạt Cải tạo không giam giữ áp dụng đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng và tội rất nghiêm trọng do cố ý.

### *3.2.1.2. Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự*

Các quy định mới của BLTTHS năm 2015 về người dưới 18 tuổi phạm tội nhiều khi không được thực hiện một cách hiệu quả vì thiếu các quy định pháp luật cụ thể hướng dẫn thi hành. Liên quan đến lĩnh vực pháp luật TTHS về người dưới 18 tuổi phạm tội, chúng tôi có kiến nghị sau:

*Thứ nhất*, BLTTHS năm 2015 chỉ quy định việc triệu tập lấy lời khai, thời gian lấy lời khai, hỏi cung bị can là người dưới 18 tuổi. Để bảo đảm hơn nữa quyền, cũng như lợi ích hợp pháp của người dưới 18 tuổi thì trong hoạt động hỏi cung, lấy lời khai nên cần quy định cụ thể về địa điểm lấy lời khai, phong cách, tác phong, ngôn ngữ của người lấy lời khai hoặc hỏi cung bị can là người dưới 18 tuổi.

*Thứ hai*, về thành phần Hội đồng xét xử. BLTTHS năm 2015 quy định thành phần HĐXX sơ thẩm vụ án phải có một Hội thẩm là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên hoặc người có kinh nghiệm, hiểu biết tâm lý người dưới 18 tuổi. Theo chúng tôi, cần phải quy định cụ thể chế định này. Cụ thể là giáo viên và cán bộ Đoàn thanh niên phải là người đang đương nhiệm chứ không phải người đã nghỉ hưu. Đặc biệt, đối với Hội thẩm là giáo viên thì phải là giáo viên đang trực tiếp giáo dục học sinh trong lứa tuổi 14 tuổi đến dưới 18 tuổi (trừ trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội là người đã bỏ học) như vậy mới thỏa mãn được yêu cầu của luật định là hiểu rõ về tâm lý lứa tuổi và khoa học giáo dục đối với đối tượng này. Ngoài ra, luật cũng chưa bổ sung thêm đối tượng là cán bộ

Ủy ban bảo vệ chăm sóc trẻ em đương nhiệm. Vì lực lượng này cũng có điều kiện hiểu biết tâm lý của trẻ, gần gũi với trẻ em.

*Thứ ba*, tại khoản 2 Điều 423 BLTTHS năm 2015 quy định về xét xử: “*Trường hợp đặc biệt cần bảo vệ bị cáo, bị hại là người dưới 18 tuổi thì Tòa án có thể quyết định xét xử kín*”. Quy định như thế này theo chúng tôi là chưa phù hợp, bởi lẽ người dưới 18 tuổi là người đang trong quá trình phát triển cả về sinh lý cơ thể và tâm lý, ý thức, vì thế họ chưa phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần, là đối tượng dễ bị kích động, dễ bị tổn thương và được Đảng, Nhà nước quan tâm bảo vệ. Nếu việc xét xử công khai trước đông đảo quần chúng nhân dân, nó sẽ mang lại hậu quả hết sức nặng nề cho người dưới 18 tuổi. Về mặt tâm lý họ sẽ xấu hổ, mặc cảm, tự ty, không giám tiếp xúc với mọi người và khó vượt qua được những khó khăn của cuộc sống sau này. Bởi “*yếu tố tâm lý là điều kiện tích cực trong quá trình cảm hóa người phạm tội, hứa hẹn một tác động tốt đến người phạm tội để họ quyết tâm phục thiện*” [57, tr.37]. Mặc khác, “*việc coi người chưa thành niên như là “công cụ” để tuyên truyền pháp luật là không phù hợp với các nguyên tắc về xử lý NCTN phạm tội*” [61, tr.41]. Chính vì thế cần phải quy định rằng các vụ án mà bị cáo là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội thì có thể xử kín nếu cần thiết; đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội thì phải xử kín.

*Thứ tư*, trình tự và thủ tục xét hỏi tại phiên tòa theo quy định của BLTTHS là chưa phù hợp với chức năng của các bên và Tòa án trong TTHS. Vì vậy, để đảm bảo quyền tiếp cận công lý trong xét xử sơ thẩm VAHS mà ở đây là những người chưa đủ 18 tuổi, theo chúng tôi cần sửa đổi bổ sung các quy định của BLTTHS theo hướng tuyệt đối tuân thủ nguyên tắc suy đoán vô tội; mở rộng nguyên tắc tranh tụng với vai trò Tòa án là trung tâm và xét xử là hoạt động trọng tâm; tăng cường tính tranh tụng, bảo đảm hoạt động của người bào chữa, bảo đảm tranh tụng bình đẳng, vô tư, khách quan của phiên tòa sơ thẩm VAHS mà bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi và coi đây là bước đột phá theo NQ 49-

NQ/TW chuyển trách nhiệm chính trong xét hỏi cho các chủ thể thuộc bên buộc tội và bên bào chữa. Tòa án là người điều khiển các bên, điều khiển quá trình xét hỏi. Việc xét hỏi của các thành viên HĐXX chỉ mang tính chất bổ sung, hỗ trợ cho các bên khi cần thiết để làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án mà vì lý do nào đó các bên không làm rõ được. Có như vậy, HĐXX, nhất là chủ tọa phiên tòa mới điều kiện tập trung theo dõi, giám sát quá trình tranh tụng giữa các bên và xem xét, đánh giá các tình tiết cũng như các chứng cứ về vụ án một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa là căn cứ để ra phán quyết đúng đắn và chính xác về vụ án.

*Thứ năm*, cần sửa đổi, bổ sung nội dung liên quan đến quyền từ chối hoặc đề nghị thay đổi người bào chữa của người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất, vì họ thường bị hạn chế về nhận thức nên cần thiết phải có người bào chữa trong quá trình TTTHS. Thực tế có nhiều trường hợp, người tiến hành tố tụng đã đe dọa hoặc mua chuộc NCTN để họ từ chối người bào chữa. Vì vậy, quyền từ chối người bào chữa nên được khuyến cáo hạn chế áp dụng trong những trường hợp có nghi vấn về khả năng tự bào chữa của bị cáo. Trong những trường hợp nếu thấy rằng quyền lợi của bị cáo là người dưới 18 tuổi có thể bị đe dọa vì thiếu vắng sự tham gia của người bào chữa, thì Tòa án cần phải cân nhắc chấp nhận hay không việc từ chối của họ. Chúng tôi cho rằng, quy định như hiện nay tại Điều 77 BLTTHS năm 2015 là chưa hợp lý mà cần bổ sung những trường hợp bắt buộc không được từ chối người bào chữa nhằm chống sự lạm dụng từ phía cơ quan tiến hành tố tụng.

Về vấn đề tổng kết thực tiễn và hướng dẫn áp dụng pháp luật. Trong giai đoạn hiện nay, TANDTC cần thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, cần tăng cường công tác kiểm tra, giám đốc việc xét xử, tổng kết thực tiễn xét xử và hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật của TANDTC đối với các tòa án cấp dưới. Tổ chức tổng kết thực tiễn, rút kinh nghiệm công tác xét xử nói chung và xét xử sơ thẩm các vụ án mà bị cáo là NCTN từ các tòa án trong phạm vi cả



nước. Qua công tác tổng kết thực tiễn xét xử, các kỹ năng nghiệp vụ cần thiết trong công tác xét xử được tập hợp, chọn lựa để bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, Thẩm phán trong cả nước, đồng thời phát hiện những vấn đề bất cập, khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn ADPL để rút kinh nghiệm, đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật và ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật. Công tác tổng kết thực tiễn xét xử của TANDTC cần thực hiện chủ yếu thông qua các hình thức sau:

*Một là*, hàng năm, tại các hội nghị tổng kết công tác ngành TAND, thông qua công tác xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; thông qua công tác kiểm tra, rút kinh nghiệm trong xét xử sơ thẩm, phúc thẩm tổng kết thành các tham luận về kinh nghiệm xét xử của các Tòa án cấp dưới và đề xuất các biện pháp khắc phục những hạn chế, vướng mắc trong công tác xét xử của TAND các cấp.

*Hai là*, từ thực tiễn công tác xét xử sơ thẩm các VAHS mà bị cáo là người dưới 18 tuổi, thì các TAND các tỉnh tập hợp các vướng mắc, bất cập từ thực tiễn giải quyết các vụ án cụ thể ở đơn vị mình để đề nghị TANDTC hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật. Mặt khác, thông qua các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nhiều kinh nghiệm xét xử nói chung, xét xử sơ thẩm các VAHS mà bị cáo là người dưới 18 tuổi nói riêng hoặc các giải pháp cụ thể đã được các Tòa án vận dụng trong thực tiễn xét xử để thảo luận, trao đổi. Đây là một trong các nguồn để TANDTC tập hợp, tổng kết kinh nghiệm công tác xét xử sơ thẩm những VAHS mà bị cáo là người dưới 18 tuổi được quả hơn.

### ***3.2.2. Quán triệt và triển khai thi hành Bộ luật Hình sự 2015 và Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người chưa thành niên***

BLHS và BLTTHS được Quốc hội (Khóa XIII) thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2015. Đây là những đạo luật có ý nghĩa quan trọng, là công cụ sắc bén cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần rất quan trọng trong việc

quản lý xã hội, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ quyền con người, lợi ích của Nhà nước, của các tổ chức và của công dân. Tuy nhiên, để BLHS năm 2015 và BLTTHS năm 2015 sớm đi vào cuộc sống, thực sự phát huy được hiệu quả, các cấp, các ngành cần sớm xây dựng kế hoạch quán triệt và triển khai rộng rãi hai bộ luật này trong toàn thể quần chúng nhân dân. Đây vừa là yêu cầu trước mắt, vừa là nhiệm vụ thường xuyên của các cơ quan tiến hành tố tụng để họ hiểu rõ những quy định của luật để áp dụng pháp luật một cách có hiệu quả, trong đó có việc nắm rõ những quy định của pháp luật hình sự và TTHS cũng như đường lối xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Để quán triệt và triển khai thi hành BLHS năm 2015 và BLTTHS năm 2015, các cơ quan tiến hành tố tụng cần tập trung vào các biện pháp sau:

*Thứ nhất*, xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai thi hành BLHS và BLTTHS cho các cơ quan tiến hành tố tụng. Việc tổ chức triển khai thi hành phải bám sát nghị quyết của Quốc hội và kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, kế hoạch triển khai thi hành BLHS và BLTTHS của TANDTC, bảo đảm sau ngày có hiệu lực được thực hiện thống nhất, đầy đủ, đồng bộ, gắn với việc triển khai các bộ luật, luật và nghị quyết có liên quan.

*Thứ hai*, tổ chức biên soạn tài liệu phục vụ việc quán triệt, phổ biến, tuyên truyền, tập huấn BLHS năm 2015 và BLTTHS năm 2015 cho các cơ quan tiến hành tố tụng ở tỉnh Thanh Hóa; tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản QPPL mới cho phù hợp với quy định của BLHS và BLTTHS.

*Thứ ba*, tổ chức các hội nghị tập huấn BLHS năm 2015 và BLTTHS năm 2015 cho các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung, Tòa án nói riêng; đặc biệt là Chương XII của BLHS năm 2015 quy định về “*Những quy định đối với người*

dưới 18 tuổi phạm tội” và Chương XXVIII quy định về “*Thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi*”.

### ***3.2.3. Triển khai thành lập Tòa án gia đình và người chưa thành niên***

Cho đến nay, chúng ta chưa có bộ máy tổ chức chuyên trách thống nhất để giải quyết các vụ án liên quan đến NCTN. Hay nói cách khác, chúng ta chưa có bộ máy chuyên trách điều tra, truy tố, xét xử, cải tạo NCTN, vì vậy, hiệu quả phòng ngừa tội phạm cũng như bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của NCTN chưa cao. Do đó, để đảm bảo sự thống nhất về mặt chính sách đối với NCTN đã được quy định trong Hiến pháp, Luật Hôn nhân và gia đình, BLHS, BLTTHS và các văn bản pháp luật khác, sự ra đời của tòa án chuyên trách về NCTN là vô cùng cần thiết.

Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 2014 đã có quy định thành lập Tòa án gia đình và NCTN nhằm xét xử các VAHS mà bị cáo, hoặc bị hại hay có thể nhân chứng là trẻ em, giải quyết các vụ kiện dân sự, các vụ án hành chính có liên quan đến quyền lợi ích hợp pháp của trẻ em. Tòa xét xử các vụ án này với tố tụng đặc biệt thể hiện ở khung cảnh thân thiện của phiên tòa, ...và cho đến nay, trên cả nước, Tòa gia đình và NCTN mới chỉ chính thức được thành lập với tư cách là một Tòa chuyên trách thuộc tổ chức bộ máy của TAND Thành phố Hồ Chí Minh. Đây cũng là Tòa chuyên trách thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh đầu tiên ở Việt Nam được tổ chức theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014. Đây là toà án xét xử các vụ án có NCTN tham gia với hai cấp xét xử: Sơ thẩm và phúc thẩm.

Việc thành lập tòa gia đình và người chưa thành niên là một xu hướng lớn, tiên bộ, là thành công lớn trong chiến lược cải cách tư pháp, thể hiện chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc phát triển gia đình Việt Nam, bảo vệ quyền con người, bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Tòa này gồm phòng xét xử thân thiện, phòng tư vấn - hòa giải, phòng trẻ em, phòng trợ giúp y tế. Tuy nhiên, việc tổ chức mô hình này, theo tác giả cần tập trung vào giải quyết một số vấn đề khó khăn về tổ chức bộ máy, về con người, về cơ sở vật chất, kinh phí... Việc bố trí

phòng xử án thân thiện mà trong phòng xử án này, kiểm sát viên, luật sư, thư ký có vị trí ngồi khác so với phòng thông thường. Các bị cáo được ngồi cạnh cha mẹ mình, cùng luật sư. Việc bố trí phòng xử án theo không gian mới như trên sẽ tác động tâm lý tốt tới người chưa thành niên, không làm họ hoảng sợ. Họ có thể bình tĩnh lắng nghe các lỗi lầm của mình, qua đó hiểu được những hành vi gây ra để tự thân chuyển biến, tự cải tạo, nhận thức. Việc này tốt hơn là việc đưa họ ra hội trường, ra phòng xử án với cách làm mang tính áp đặt.

Mô hình này cần tiếp tục được nhân rộng và cần phải có một lộ trình, xây dựng các kế hoạch cũng như các phương án triển khai cụ thể, chuẩn bị nguồn lực và nhân lực để vận hành một hệ thống tòa án chuyên trách mới có hiệu quả, song *“việc xây dựng Tòa án chuyên trách phải đảm bảo và phù hợp với cải cách hành chính, cải cách tư pháp, không làm phình to bộ máy của Tòa án, nhưng vẫn phải đảm bảo được những giá trị tốt nhất cho NCTN”* [61, tr.109] nhằm đảm bảo sự thống nhất của hệ thống Tòa án trong cả nước.

#### ***3.2.4. Tăng cường hỗ trợ tư pháp người chưa thành niên***

Đảng và Nhà nước ta luôn coi NCTN là những người chưa trưởng thành do họ còn chưa phát triển đầy đủ về thể chất và trí tuệ, đồng thời là đối tượng dễ bị tổn thương trong xã hội, do đó họ cần được bảo vệ và có quyền được bảo vệ bởi các cơ quan Nhà nước; họ có quyền tiếp cận trợ giúp pháp lý dễ dàng hơn so với người trưởng thành; việc trợ giúp pháp lý cho NCTN cần phải dễ tiếp cận, phù hợp với độ tuổi và đáp ứng với các nhu cầu pháp lý và xã hội cụ thể của NCTN; và cần thực hiện các biện pháp đặc biệt cho NCTN để tăng cường tiếp cận tư pháp một cách hiệu quả nhằm ngăn chặn các tác động có hại khi đối mặt với các hậu quả của việc bị bắt giữ và tạm giam và nguy cơ bị ngược đãi. Bởi thế, họ cần được đối xử khác với cách đối xử dành cho người đã thành niên và cần được gia đình, xã hội và Nhà nước bảo vệ, chăm sóc đặc biệt. Quan điểm, chính sách cơ bản này đã được thể hiện trong Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng như trong một số luật quan trọng ở

cả hệ thống hành chính và hình sự. Điều đó cũng đòi hỏi việc sự hỗ trợ tư pháp cho NCTN phạm tội mà trực tiếp là vai trò của các luật sư, người giám định tư pháp, bào chữa viên nhân dân, người bảo vệ quyền lợi của đương sự là rất cần thiết nhằm bảo vệ quyền cho NCTN trong quá trình tố tụng.

Luật sư, người giám định tư pháp, bào chữa viên nhân dân, người bảo vệ quyền lợi của đương sự là những người có kiến thức, hiểu biết nhất định về pháp luật và một số lĩnh vực nào đó mà khi cần, cơ quan tiến hành tố tụng trung cầu để giám định về một hoặc một số vấn đề có liên quan đến việc xác định sự thật của vụ án. Những người trợ giúp pháp lý này họ có thể tiến hành các hoạt động tư vấn pháp lý cho bị can từ khi khởi tố bị can cho đến khi kết thúc hoạt động tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng. Đối với đương sự là NCTN thì người bào chữa có quyền có mặt khi cơ quan tiến hành tố tụng lấy lời khai của người bị tạm giữ, khi hỏi cung bị can; xem các biên bản về hoạt động tố tụng có sự tham gia của mình; thu thập và đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu để chứng minh trước cơ quan tiến hành tố tụng về bị cáo là NCTN có hành vi phạm tội hay không có hành vi phạm tội.

Những người thực hiện trợ giúp pháp lý với nhiệm vụ trọng tâm và trách nhiệm nghề nghiệp liên quan tới các cá nhân bị tình nghi hoặc bị cáo buộc. Hơn nữa, với vị thế và kiến thức pháp luật và chuyên môn của mình, họ có thể xác định những biện pháp đặc biệt thích hợp. Qua các hoạt động như vậy, những người thực hiện trợ giúp pháp lý có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc bảo vệ những người bị bắt giữ hoặc bị tạm giam có hoàn cảnh thiệt thòi. Việc tham gia của người thực hiện trợ giúp pháp lý nhằm trợ giúp pháp lý trong quá trình tố tụng sẽ góp phần quan trọng trong việc xác định sự thật khách quan của những vụ án có NCTN phạm tội, giúp cho HĐXX ra được những bản án công bằng, dân chủ và đúng pháp luật, bảo vệ tốt được quyền và lợi ích hợp pháp cho đối tượng này. Tuy nhiên, trong thực tiễn, hoạt động tranh tụng của luật sư vẫn

còn nhiều hạn chế, chưa phát huy hết được hiệu quả trong hoạt động trợ giúp pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các chủ thể là NCTN phạm tội.

Muốn đạt hiệu quả trong hoạt động trợ giúp pháp lý, người làm công tác trợ giúp pháp lý phải kiên tâm, lắng nghe để thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng của NCTN. Trợ giúp pháp lý không nên nóng vội cắt ngang lời trình bày của đối tượng đến nhờ tư vấn mà phải mềm mỏng, tạo điều kiện để họ mạnh dạn thổ lộ, giải bày sự thật về vụ việc một cách trung thực. Để bảo vệ tốt cho quyền và lợi ích hợp pháp cho các chủ thể là NCTN phạm tội, khi tham gia vào quá trình tố tụng đòi hỏi việc nghiên cứu về hoạt động tranh tụng của người làm công tác trợ giúp pháp lý phải được ngày một nâng cao hơn, kịp thời hơn và nghiêm túc hơn, để từ đó tìm ra những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng của người làm công tác trợ giúp pháp lý, đáp ứng yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp hiện nay. Và điều quan trọng nhất để nâng cao chất lượng bào chữa cho NCTN trong VAHS sơ thẩm là lòng nhiệt thành phục vụ công tác trợ giúp pháp lý của mỗi luật sư trong giai đoạn cải cách tư pháp hiện nay. Hay nói một cách khác là trong mỗi chúng ta phải nhận thức được chữ “tâm” và lấy chữ “tâm” làm thước đo của người trợ giúp pháp lý.

### ***3.2.5. Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát***

Xét xử VAHS nói chung và xét xử sơ thẩm VAHS mà bị cáo là NCTN là khâu trung tâm của hoạt động tư pháp hình sự được thực hiện bởi Tòa án. Kết quả của hoạt động xét xử là việc Tòa án ra bản án kết luận về bản chất pháp lý của vụ án và các biện pháp tư pháp, chế tài áp dụng. Tuy nhiên, Tòa án cũng không thể tự mình làm phát sinh chức năng tố tụng của Tòa án là chức năng xét xử. Để chức năng xét xử vận hành được và các thủ tục tố tụng tại Tòa án được tiến hành thì phải có các hoạt động tố tụng được tiến hành trước đó, đó là hoạt động điều tra của cơ quan điều tra, hoạt động truy tố của Viện kiểm sát. Tuy nhiên, để cho các hoạt động tố tụng này đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, tránh oan, sai thì cần phải đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân theo

pháp luật của Viện kiểm sát, giám đốc việc xét xử của tòa án cấp trên đối với tòa án cấp dưới. Vì thế, việc tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động tố tụng của Viện kiểm sát có mục tiêu bảo đảm cho các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình; bảo đảm việc giải quyết các vụ án được chính xác, khách quan; bảo đảm sự tuân thủ pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; bảo đảm các quyền con người trong các thủ tục tố tụng do pháp luật quy định được triệt để tôn trọng. Kiểm sát hoạt động tố tụng hình sự là một hình thức của hoạt động giám sát nhà nước bằng việc theo dõi, kiểm tra việc tuân thủ hiến pháp và pháp luật của các chủ thể được giao thực hiện thẩm quyền. Hoạt động kiểm sát của Viện kiểm sát thực chất là việc sử dụng tổ chức nhà nước để hạn chế sự lạm quyền từ chính Nhà nước. Mục đích của kiểm tra, giám sát hoạt động tố tụng là nhằm bảo đảm cho pháp luật được áp dụng nghiêm chỉnh và thống nhất trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Trong quá trình giải quyết các VAHS, Viện kiểm sát có quyền áp dụng những biện pháp do pháp luật quy định để phát hiện, loại trừ những hành vi vi phạm pháp luật của bất kỳ cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nào, mà trọng tâm của hoạt động tố tụng là Tòa án.

Hoạt động kiểm tra, kiểm sát xét xử VAHS mà bị cáo là NCTN được tiến hành song song với quá trình xét xử của Tòa án, từ khi Tòa án thụ lý vụ án, nhận đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự cho đến khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Khi bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, Viện kiểm sát có nhiệm vụ kiểm sát bản án, quyết định để phát hiện có hay không có vi phạm để kiến nghị hoặc kháng nghị theo quy định của pháp luật. Trong giai đoạn xét xử VAHS mà bị cáo là NCTN, Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động xét xử của Tòa án và của những người tham gia tố tụng. Để tránh tình trạng lạm quyền, hoặc cố tình không tuân thủ các quy định của TTHS. Vì vậy, Viện kiểm sát cần đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện các quyền hạn như: kiểm sát về thẩm quyền xét xử, thành phần HĐXX; các thủ

tục tiến hành phiên tòa...; phát biểu quan điểm, ý kiến về việc áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án, vụ việc theo quy định của pháp luật; kiểm sát các bản án, quyết định của Tòa án và kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm đối với các bản án, quyết định của Tòa án theo quy định của pháp luật khi phát hiện có vi phạm.

Giám đốc việc xét xử là các hoạt động kiểm tra, đánh giá của Tòa án cấp trên đối với công tác xét xử của Tòa án cấp dưới mà ở đây là các VAHS mà bị cáo là NCTN, nhằm phát hiện các khuyết điểm, thiếu sót để rút kinh nghiệm hoặc có các biện pháp khắc phục kịp thời. Giám đốc việc xét xử của Tòa án cấp trên đối với Tòa án cấp dưới chủ yếu được thực hiện thông qua công tác xem xét, giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm; xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm và kiểm tra hoạt động xét xử của các Tòa án. Vì vậy, để nâng cao chất lượng xét xử trong giai đoạn hiện nay, nhất là từ khi có hiệu lực của hai bộ luật: BLHS và BLTTHS thì việc kiểm tra, giám đốc việc xét xử cần phải được tiến hành thường xuyên hơn.

Về công tác kiểm tra hoạt động xét xử và thi hành án hình sự, những năm qua đã ngày càng được quan tâm, tăng cường. Hàng năm, Ban Thanh tra TAND tỉnh Thanh Hóa đã thường xuyên tổ chức nhiều đoàn kiểm tra công tác xét xử và thi hành án hình sự tại các đơn vị TAND trong tỉnh. Qua công tác kiểm tra, các hồ sơ vụ án và hồ sơ thi hành án hình sự đều được xem xét, đánh giá kỹ lưỡng. Khi kết thúc kiểm tra, đoàn kiểm tra đều trực tiếp nhận xét và kết luận, phân tích cụ thể về ưu điểm, khuyết điểm của từng đơn vị, từng HĐXX, làm rõ mức độ đúng, sai về ADPL. Đối với một số vụ án phát hiện có sai lầm nghiêm trọng về đường lối xét xử hoặc thủ tục tố tụng, các đoàn kiểm tra đã đề xuất để người có thẩm quyền ra quyết định kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

Cùng với việc kiểm tra, giám sát và giám đốc việc xét xử thì các tòa án cấp sơ thẩm hình sự ở Thanh Hóa cần phải nâng cao trách nhiệm trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, tạo điều kiện để đảm bảo cho những người tham gia tố



tụng thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo trong các hoạt động TTHS nhằm bảo vệ các quyền lợi, nghĩa vụ của mình, cũng như nâng cao uy tín của các cơ quan tiến hành tố tụng. Chính vì thế, trong thời gian tới, các tòa hình sự sơ thẩm ở Thanh Hóa cần tập trung vào một số biện pháp:

*Thứ nhất*, thường xuyên nêu cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ tiếp công dân, phải lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của người khiếu nại, tố cáo và giải quyết nhanh chóng, công bằng, đúng với các quy định của pháp luật các khiếu kiện của đương sự.

*Thứ hai*, lãnh đạo ngành Tòa án cần theo dõi sát sao, trực tiếp hoặc chỉ đạo cấp dưới giải quyết kịp thời các khiếu kiện trong TTHS. Các cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án cần có quy chế phối hợp trong việc giải quyết khiếu kiện trong TTHS.

*Thứ ba*, cần tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khiếu nại, tố cáo trong TTHS cho người tham gia tố tụng về quyền và nghĩa vụ của họ khi có khiếu kiện. Hướng dẫn cho họ một cách chi tiết về trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết các khiếu kiện đó. Hướng dẫn tận tình, kiên trì giải thích cho họ hiểu, tránh tình trạng hướng dẫn lòng vòng gây phiền hà, bức xúc cho họ. Đơn khiếu kiện của cấp nào thì cấp đó phải giải quyết, để tránh tình trạng khiếu kiện vượt cấp.

*Thứ tư*, tăng cường công tác kiểm tra việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo, xử lý nghiêm khắc đối với những sai phạm trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong TTHS.

*Thứ năm*, định kỳ các đơn vị cần thống kê, báo cáo, tổng kết để rút kinh nghiệm và có phương hướng, kế hoạch phù hợp nhằm giải quyết tốt hơn các khiếu kiện của người tham gia tố tụng, các cơ quan, tổ chức trong hoạt động TTHS. Đồng thời xử lý nghiêm những trường hợp lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để khiếu nại, tố cáo sai sự thật để gây phức tạp cho việc giải quyết vụ án hoặc vì mục đích khác.

### **Kết luận chương 3**

Trong những năm tới, hoạt động xét xử sơ thẩm VAHS nói chung, xét xử sơ thẩm VAHS mà bị cáo là người dưới 18 tuổi nói riêng có nhiều thuận lợi nhưng cũng đứng trước những khó khăn thách thức mới. Khi BLHS và BLTTHS mới có hiệu lực, nhiệm vụ nâng cao chất lượng xét xử sơ thẩm tiếp tục đặt ra trước tinh thần đẩy mạnh cải cách tư pháp, xuất hiện các Tòa án gia đình và NCTN trong điều kiện những khó khăn về cơ sở vật chất, kỹ thuật, kinh phí hoạt động cũng như yêu cầu mới về năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ tư pháp, nhất là Thẩm phán, HTND, KSV đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ này. Trong bối cảnh đó, hoạt động nâng cao chất lượng xét xử sơ thẩm VAHS mà bị cáo là NCTN cần có các giải pháp để thực hiện có hiệu quả, khắc phục những khó khăn để góp phần bảo vệ công lý, xây dựng nền tư pháp trong sạch, đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN hiện nay.

Để nâng cao chất lượng xét xử sơ thẩm VAHS mà bị cáo là NCTN cần thực hiện có hiệu quả các giải pháp. Các giải pháp trên là một thể thống nhất, có mối quan hệ biện chứng với nhau, tác động lẫn nhau. Phải giải quyết đồng bộ, không coi nhẹ giải pháp nào. Thực hiện hệ thống các giải pháp đó, đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và một số người được mời tham gia tố tụng như luật sư, người giám định, người phiên dịch phải nâng cao năng lực, trình độ, tinh thần, trách nhiệm, đạo đức của mình để bảo vệ trật tự pháp lý, bảo vệ pháp chế XHCN, bảo vệ quyền, lợi ích của NCTN.

## KẾT LUẬN

Ở Việt Nam tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện ngày càng diễn biến phức tạp, vấn đề này luôn thu hút sự quan tâm của toàn xã hội, đặc biệt là các cơ quan bảo vệ pháp luật, đòi hỏi Nhà nước cần có những chính sách phù hợp không chỉ với những quy định trong điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, mà còn phù hợp với truyền thống đạo đức của dân tộc, qua đó bảo đảm cho sự phát triển bền vững của thế hệ tương lai đất nước. Bởi vậy, bảo vệ và phát triển gia đình Việt Nam, chăm sóc, giáo dục trẻ em luôn được xác định là một trong những chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước ta. Việc tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện hệ thống pháp luật về việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội nói chung và việc xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi nói riêng, hiển nhiên cũng nhằm góp phần thực hiện mục tiêu giành tất cả những gì tốt đẹp nhất cho trẻ em.

Hiến pháp năm 2013 đã quy định rõ Tòa án nhân dân thực hiện quyền tư pháp và chỉ rõ chức năng của Tòa án là xét xử các vụ án, nhưng ngành TAND vẫn còn bộc lộ những hạn chế, tồn tại, còn có cách hiểu chưa thống nhất cả về lý luận và thực tiễn ADPL trong xét xử các VAHS nói chung và ADPL trong xét xử các VAHS mà bị cáo là NCTN nói riêng nên cần có sự nghiên cứu, tổng kết, đánh giá một cách khoa học để ngày càng sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện.

Tác giả tiếp cận, nghiên cứu những vấn đề lý luận, pháp luật và thực tiễn cơ bản nhất về ***“Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người chưa thành niên từ thực tiễn tỉnh Thanh Hóa”***. Từ sự phân tích những vấn đề lý luận và pháp luật về xét xử sơ thẩm VAHS như các khái niệm và những đặc điểm của xét xử sơ thẩm VAHS mà bị cáo là NCTN; những quy định của pháp luật trong xét xử sơ thẩm VAHS mà bị cáo là NCTN làm cơ sở, nền tảng để tác giả phân tích làm rõ việc ADPL trong xét xử VAHS mà bị cáo là NCTN của các Tòa án cấp sơ thẩm ở tỉnh Thanh Hóa.

Luận văn cũng đi sâu vào tìm hiểu, phân tích và đánh giá thực tiễn xét xử VAHS mà bị cáo là NCTN của Tòa án cấp sơ thẩm ở tỉnh Thanh Hóa, đánh giá một cách khái quát các kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế cần khắc phục, tìm ra nguyên nhân cơ bản của những tồn tại này trong công tác xét xử sơ thẩm VAHS mà bị cáo là NCTN của Tòa án cấp sơ thẩm ở tỉnh Thanh Hóa.

Thông qua việc nghiên cứu lý luận, thực tiễn xét xử các VAHS mà bị cáo là NCTN của Tòa án cấp sơ thẩm ở tỉnh Thanh Hóa góp phần cung cấp thêm những luận cứ khoa học và cái nhìn tổng thể hơn về thực tiễn ADPL trong lĩnh vực này để từ đó xây dựng một hệ thống giải pháp phù hợp nhằm giải quyết những hạn chế, tồn tại, phấn đấu nâng cao chất lượng xét xử các VAHS mà bị cáo là NCTN của Tòa án cấp sơ thẩm.

Luận văn đã đưa ra được những yêu cầu và các giải pháp nâng cao chất lượng xét xử sơ thẩm VAHS mà bị cáo là NCTN thông qua việc nghiên cứu lý luận, các chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về cải cách tư pháp, thực tiễn áp dụng cải cách tư pháp nói chung và thực trạng hoạt động xét xử bị cáo là NCTN nói riêng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Những yêu cầu và các giải pháp mà luận văn đưa ra vừa có tính cấp bách vừa có tính định hướng nhằm giải quyết tốt những tồn tại nảy sinh trong quá trình xét xử sơ thẩm VAHS mà bị cáo là NCTN của các Tòa án cấp sơ thẩm ở tỉnh Thanh Hóa. Trên cơ sở đó thúc đẩy thực hiện thành công cải cách tư pháp, góp phần xây dựng ngành TAND ngày càng trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hà Anh (2006), *Chế tài hình sự đối với tội xâm hại trẻ em và người chưa thành niên phạm tội*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2012), *Tài liệu tập huấn tư pháp người chưa thành niên*, Nxb Lao động, Hà Nội.
3. Bộ Tư pháp (2015), *Báo cáo số 35/BC-BTP ngày 12 tháng 02 năm 2015 về kết quả tổng kết thực tiễn thi hành Bộ luật hình sự*.
4. Chính phủ (2000), *Nghị định số 60/2000/NĐ-CP ngày 03/10/2000 quy định về thi hành hình phạt không giam giữ*.
5. Chính phủ (2000), *Nghị định số 62/2000/NĐ-CP ngày 03/10/2000 quy định về hình phạt tù cho hưởng án treo*.
6. Chính phủ (2012), *Nghị định số 10/2012/NĐ-CP ngày 17/02/2012 quy định chi tiết thi hành biện pháp tư pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người chưa thành niên phạm tội*.
7. Công an - Viện Kiểm sát - Tòa án tỉnh Thanh Hóa, *Tổng kết thực hiện quy chế phối hợp trong đấu tranh phòng chống tội phạm năm 2014*, [www.conganthanhhoa.gov.vn/new/tu-lien/28130](http://www.conganthanhhoa.gov.vn/new/tu-lien/28130), truy cập ngày 12/3/2015.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2010), *Kết luận số 79-KL/TW ngày 28/7/2010 của Bộ Chính trị về đề án đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án, Viện Kiểm*

sát và cơ quan điều tra theo Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 về việc tiếp tục thực hiện NQ số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị khóa 9 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.

13. Nguyễn Ngọc Điệp (2007), *Thủ tục điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự*, Nxb. Lao Động.

14. Nguyễn Minh Đoan (2012), *Hiệu quả của pháp luật những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia.

15. Trần Văn Độ (2001), *Một số vấn đề về hoàn thiện thẩm quyền xét xử của Tòa án các cấp*, Tòa án nhân dân, Số 6.

16. Trần Văn Độ (2003), *Đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Số 11.

17. Trần Văn Độ (2012), *Nghiên cứu thành lập Tòa án người chưa thành niên ở Việt Nam*, trong sách: *Báo cáo tổng quan về cơ sở lý luận và thực tiễn của sự cần thiết thành lập tòa án chuyên trách đối với người chưa thành niên ở Việt Nam*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

18. Phạm Hồng Hải (2003), *Mô hình lý luận Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

19. Nguyễn Văn Hiện (2002), *Tăng cường năng lực xét xử của toà án cấp huyện - một số vấn đề cấp bách*, Tạp chí Tòa án nhân dân, Số 01.

20. Cao Văn Hiếu (2014), *Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự theo pháp luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội.

21. Học viện Tư pháp (2007), *Giáo trình kỹ năng giải quyết các vụ án hình sự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

22. Nguyễn Văn Huyền (2003), *Mấy ý kiến về tăng thẩm quyền xét xử cho Toà án cấp huyện*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, Số 6.

23. Trần Thị Hương (2015), *Quyền con người của bị cáo là người chưa thành*

*niên phạm tội từ thực tiễn Thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ Luật học, HVKHXH

24. Liên Hợp quốc (1989), *Công ước về Quyền trẻ em*.

25. Liên Hợp quốc (1990), *Các hướng dẫn của Liên hợp quốc về phòng ngừa phạm pháp ở người chưa thành niên năm (các hướng dẫn Ri át)*.

26. Nguyễn Thành Long (2011), *Nguyên tắc suy đoán vô tội trong Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

27. Đoàn Tấn Minh (2008), *Bàn về phạm vi sử dụng thuật ngữ “Người chưa thành niên phạm tội”*, Tạp chí Tòa án nhân dân, Số 9.

28. Trần Hoài Nam, Tường An, *Tòa án gia đình và người chưa thành niên: Các mô hình trên thế giới và việc nghiên cứu thành lập tại Việt Nam*, nguồn: <http://www.nclp.org.vn/>.

29. Cao Thị Oanh (2007), *Hoàn thiện những quy định về trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội*, Tạp chí Luật học, Số 10.

30. Võ Thị Kim Oanh (2007), *Xét xử hình sự sơ thẩm trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật.

31. Đỗ Thị Phượng (2003), *Thủ tục tố tụng đối với bị can, bị cáo là người chưa thành niên trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học.

32. Đinh Văn Quế (2000), *Thủ tục xét xử sơ thẩm trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

33. Đinh Văn Quế (2003), *Thủ tục xét xử các vụ án hình sự sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.

34. Đinh Văn Quế (2007), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự: Xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.

35. Đinh Văn Quế (2011), *Phương hướng hoàn thiện các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự*, Tạp chí Tòa án nhân dân, Số 17.

36. Quốc hội (2012), *Bộ luật Dân sự 2005*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội

37. Quốc hội (2013), *Bộ luật Hình sự năm 1999 - sửa đổi, bổ sung năm 2009*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
38. Quốc hội (2015), *Bộ luật Hình sự năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
39. Quốc hội (2010), *Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
40. Quốc hội (2015), *Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
41. Quốc hội (2010), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
42. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
43. Quốc hội (2004), *Luật Bảo vệ và chăm sóc, giáo dục trẻ em*, Hà Nội.
44. Quốc hội (2014), *Luật Tổ chức Tòa án nhân dân*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
45. Trương Tấn Sang (2016), *Cải cách tư pháp góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam*, Tạp chí Cộng sản, Số 882.
46. Hoàng Thị Minh Sơn (2009), *Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự nhằm nâng cao hiệu quả xét xử theo tinh thần cải cách tư pháp*, Đề tài khoa học cấp Trường, Hà Nội.
47. Hồ Sỹ Sơn (2009), *Nguyên tắc nhân đạo trong Luật Hình sự Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội.
48. Lê Thị Sơn (1997), *Trách nhiệm hình sự và miễn trách nhiệm hình sự*, Tạp chí Luật học, Số 5.
49. Lê Thị Sơn (2015), *Nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội và sự thể hiện trong Bộ luật Hình sự*, Tạp chí Luật học, Số 3.
50. Đỗ Gia Thư (2004), *Thực trạng đội ngũ thẩm phán nước ta, những nguyên nhân và bài học kinh nghiệm từ quá trình xây dựng*, Tạp chí Tòa án nhân dân, Số 7.
51. Toà án nhân dân tối cao (2005), *Các văn bản quy phạm pháp luật của Toà*



*án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành pháp luật*, Hà Nội.

52. Toà án nhân dân tối cao (2012), *Báo cáo tổng kết 08 năm thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW của Ban cán sự Toà án nhân dân tối cao*, Hà Nội.

53. Toà án nhân dân tối cao (2013), *Báo cáo tổng kết công tác ngành Toà án từ năm 2008 đến năm 2013*, Hà Nội.

54. Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa (2011 - 2015), *Báo cáo tổng kết công tác các năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015 của TAND hai cấp*, Thanh Hóa.

55. Trường Đại học Luật Hà Nội (2006), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp, H, 2006.

56. Phạm Thị Tuyết (2014), *Áp dụng pháp luật trong xét xử các vụ án hình sự do người chưa thành niên phạm tội của Tòa án nhân dân cấp huyện ở tỉnh Ninh Bình*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

57. Nguyễn Thanh Tùng (2012), *Thực tiễn xét xử người chưa thành niên phạm tội, đề xuất và kiến nghị*, Tạp chí Tòa án nhân dân, Số 3.

58. Trịnh Tiến Việt (2010), *Những khía cạnh pháp lý hình sự về các hình phạt và biện pháp tư pháp áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội*, Tạp chí Tòa án nhân dân, Số 13.

59. Trịnh Tiến Việt (2013), *Tội phạm và trách nhiệm hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

60. Viện Khoa học pháp lý (2006), *Từ điển Luật học*, Nxb Từ điển Bách khoa, Tư pháp, Hà Nội.

61. Viện Khoa học xét xử, Tòa án nhân dân tối cao (2012), *Báo cáo tổng quan về cơ sở lý luận và thực tiễn của sự cần thiết thành lập tòa án chuyên trách đối với người chưa thành niên ở Việt Nam*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

62. Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao - Bộ Công an – Bộ Tư pháp - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (2011), *Thông tư liên tịch của số 01/2011/TTLT – VKSNDTC – TANDTC – BCA – BTP - BLĐTBXH về hướng dẫn thi hành một số qui định của Bộ luật tố tụng hình sự đối với người*

*tham gia tố tụng là người chưa thành niên*, Hà Nội.

63. Viện Ngôn ngữ học (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Trung Tâm Từ điển học, HN – Đà Nẵng.

64. Võ Khánh Vinh (2011), *Quyền con người*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

65. Võ Khánh Vinh (2013), *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

66. Trần Thị Quang Vinh (2002), *Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong Luật Hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội.

67. Nguyễn Như Ý (2013), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.

# PHỤ LỤC

## Phụ lục 1

### THỐNG KÊ CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ DO NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI ĐÃ ĐƯỢC TAND CẤP SỞ THẨM Ở TỈNH THANH HÓA XÉT XỬ TỪ NĂM 2011 ĐẾN NĂM 2015

TT	TAND	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo
1	Tỉnh Thanh Hóa	3	4	5	7	7	9	7	10	6	8
2	Tp. Thanh Hóa	2	3	7	9	9	10	6	7	5	6
3	TX. Bim Sơn	1	1	5	6	6	7	4	5	5	6
4	TX. Sầm Sơn	3	4	6	7	7	8	5	6	6	7
5	H. Đông Sơn	1	1	3	4	4	4	3	3	2	2
6	H. Quảng Xương	1	1	3	3	3	4	2	3	3	3
7	H. Hoằng Hóa	1	1	2	3	3	3	2	2	1	1
8	H. Hậu Lộc	1	1	3	4	3	4	2	3	1	2
9	H. Hà Trung	1	2	3	4	4	4	3	3	2	2
10	H. Nga Sơn	1	1	2	3	3	3	2	2	0	0
11	H. Thiệu Hóa	1	1	2	3	3	4	2	3	2	3
12	H. Triệu Sơn	1	1	3	4	4	4	3	3	3	3
13	H. Yên Định	1	1	3	4	4	4	3	3	2	2
14	H. Tĩnh Gia	1	2	3	4	4	5	3	3	4	5

TT	TAND	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo
15	H. Nông Công	1	1	2	3	3	4	2	3	2	2
16	H. Ngọc Lạc	1	1	3	4	4	4	2	3	2	2
17	H. Cẩm Thủy	0	0	2	2	2	3	2	2	2	3
18	H. Thạch Thành	1	1	3	3	4	5	3	4	2	3
19	H. Vĩnh Lộc	0	0	2	3	2	3	2	2	2	3
20	H. Thọ Xuân	0	0	2	3	3	4	2	3	0	0
21	H. Như Thanh	0	0	2	2	2	3	2	2	1	1
22	H. Như Xuân	0	0	2	2	2	2	1	2	2	2
23	H. Thường Xuân	1	1	2	3	3	4	2	3	2	3
24	H. Lang Chánh	0	0	3	4	3	4	2	3	2	2
25	H. Bá Thước	1	1	2	3	3	3	2	2	2	2
26	H. Quan Hóa	0	0	2	2	2	3	2	2	2	3
27	H. Quan Sơn	1	1	3	4	3	4	2	3	2	2
28	H. Mường Lát	0	0	1	1	1	1	1	1	0	0
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>25</b>	<b>30</b>	<b>81</b>	<b>104</b>	<b>101</b>	<b>120</b>	<b>74</b>	<b>91</b>	<b>65</b>	<b>78</b>

*Nguồn: Tòa án nhân tỉnh Thanh Hóa, tháng 5/2016*

**Phụ lục 2**  
**THỐNG KÊ NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI THEO ĐỘ TUỔI**  
**ĐÃ ĐƯỢC TAND CẤP SƠ THẨM Ở TỈNH THANH HÓA XÉT XỬ TỪ NĂM 2011 ĐẾN NĂM 2015**

<b>Năm</b>	<b>Tổng số bị cáo là NCTN</b>	<b>Đã bỏ học</b>	<b>Từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi</b>	<b>Từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi</b>
2011	30	19	4	26
2012	104	79	5	99
2013	120	82	7	113
2014	91	61	6	85
2015	78	48	9	69
<b>Tổng</b>	<b>423</b>	<b>289</b>	<b>31</b>	<b>392</b>

*Nguồn: Tòa án nhân tỉnh Thanh Hóa, tháng 5/2016*

**Phụ lục 3**  
**THỐNG KÊ KẾT QUẢ XÉT XỬ CÁC LOẠI TỘI PHẠM DO NCTN PHẠM TỘI**  
**ĐƯỢC TAND CẤP SƠ THẨM Ở THANH HÓA ĐƯA RA XÉT XỬ TỪ NĂM 2011 – 2015**

Tội danh	Điều luật	Tổng số vụ án đã xét xử		Biện pháp tư pháp		Hình phạt					
		Vụ	Bị cáo	Giáo dục tại xã, phường, thị trấn	Đưa vào trường giáo dưỡng	Cải tạo không giam giữ	Tù cho hưởng án treo	Tù từ 3 năm trở xuống	Tù từ 3 đến 7 năm	Tù đến 12 năm	Tù đến 18 năm
Trộm cắp tài sản	138	132	165	2	0	35	77	41	10	0	0
Cướp tài sản	133	52	70	0	0	3	37	16	14	0	0
Cướp giết tài sản	136	27	31	0	0	2	14	12	3	0	0
Tàng trữ, vận chuyển, trái phép, chất Ma túy	194	19	26	0	0	4	8	9	5	0	0
Cưỡng đoạt tài sản	135	6	6	0	0	1	3	2		0	0
Hủy hoại hoặc cố ý hủy hoại tài sản	143	10	12	0	0	6	5	1		0	0
Cố ý gây thương tích	104	44	47	0	0	6	18	19	4	0	0
Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	139	13	13	0	0	2	8	3		0	0
Phá hủy công trình phương tiện Quốc gia	231	2	2	0	0			2		0	0
Gây rối trật tự công cộng	245	9	14	1	0	3	9	1		0	0
Lạm dụng tín nhiệm CĐTĐ	140	3	3	0	0		2	1		0	0
Vi phạm an toàn GTĐB	202	14	19	1	0	4	10	4		0	0
Đánh bạc	248	6	6	0	0	2	3	1		0	0
Giết người	93	3	3	0	0	0	0	0	0	1	2
Hiếp dâm	111	6	6	0	0	1	3	1	1	0	0
<b>Tổng</b>		<b>346</b>	<b>423</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>69</b>	<b>197</b>	<b>113</b>	<b>37</b>	<b>1</b>	<b>2</b>

Nguồn: Tòa án nhân tỉnh Thanh Hóa, tháng 5/2016